

Chủ biên: TRẦN BẠCH ĐĂNG
Lời: ĐINH VĂN LIÊN - Tranh: NGUYỄN QUANG CẢNH
Tái bản lần 4

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

41

MẠC ĐĂNG DUNG LẬP NÊN NHÀ MẠC



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Chủ biên
TRẦN BẠCH ĐĂNG
Biên soạn
ĐÌNH VĂN LIÊN
Họa sĩ
NGUYỄN QUANG CẢNH



LỊCH SỬ VIỆT NAM

BẰNG TRANH

TẬP 41: MẠC ĐĂNG DUNG LẬP NỀN NHÀ MẠC

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Hình vẽ do phòng vẽ “*Lịch sử Việt Nam bằng tranh*” thực hiện
Họa sĩ thể hiện: NGUYỄN QUANG CẢNH

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN DO THƯ VIỆN KHTH TP.HCM THỰC HIỆN
General Sciences Library Cataloging-in-Publication Data

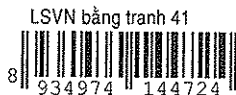
Đinh Văn Liên

Mạc Đăng Dung lập nên nhà Mạc / Đinh Văn Liên ; minh họa Nguyễn Quang Cảnh. -
Tái bản lần thứ 4 - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017.

84tr. : minh họa ; 20cm. - (Lịch sử Việt Nam bằng tranh ; T.41).

1. Mạc Đăng Dung, Vua Việt Nam, 1483-1541. 2. Việt Nam — Lịch sử — Triều đại
nhà Mạc, 1527-1592. I. Ts: Lịch sử Việt Nam bằng tranh.

959.70271 — dc 22
Đ584-L72



LỜI GIỚI THIỆU

Sử sách xưa thường gọi nhà Mạc là nhuận Mạc, cũng như nhuận Hồ, cách gọi này ám chỉ việc lên ngôi không chính thống như Hồ cướp ngôi Trần, Mạc cướp ngôi Lê thì gọi là nhuận, nghĩa là thừa. Bị nhìn nhận là những kẻ “nghịch thần” hoặc “thoán đoạt” do hành động cướp ngôi, giết vua, làm giả tờ chiếu nhường ngôi mà lên ngôi thực, nhưng không vì thế mà phủ nhận những đóng góp của nhà Mạc trong lịch sử nước nhà: ổn định lại tình hình đất nước sau những năm dài nhà Lê suy vong; trọng dụng nhân tài; phát triển kinh tế, ổn định xã hội,... Sử gia xưa cũng không tiếc lời khi khen ngợi thời thịnh trị của nhà Mạc: “... người buôn bán và kẻ đi đường đều đi tay không, ban đêm không còn trộm cướp, trâu bò thả chân không cần đem về,... Trong khoảng vài năm, người đi đường không nhặt của rơi, cổng ngoài không phải đóng, được mùa liên tiếp, trong cõi tạm yên.” (Đại Việt sử ký toàn thư, tập III, NXB Khoa học Xã hội, 2004, tr.119).

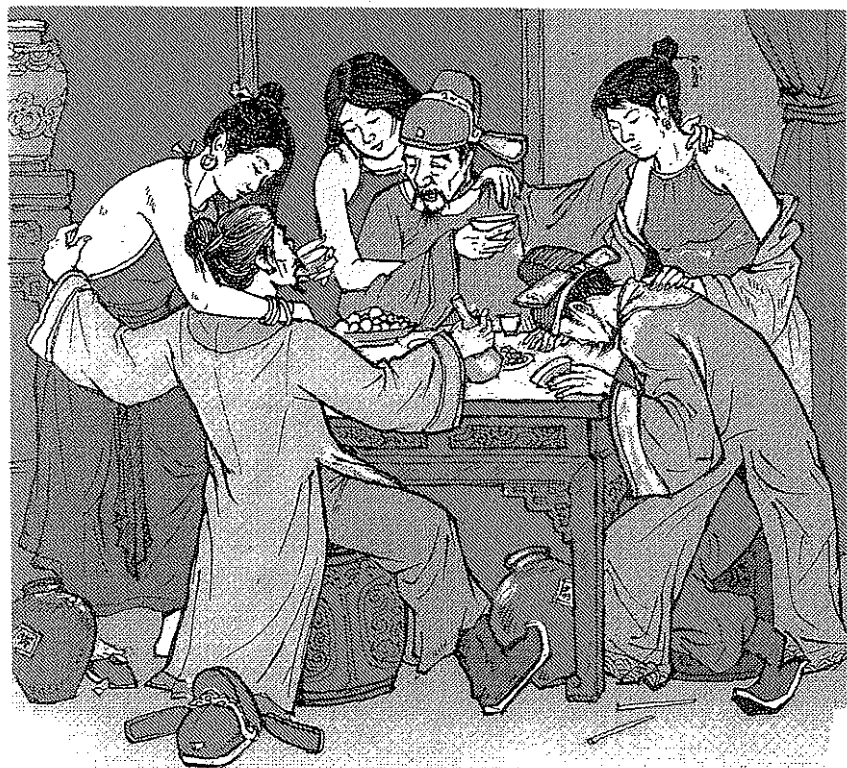
Những nội dung trên được truyền tải trong tập 41 của bộ **Lịch sử Việt Nam bằng tranh “Mạc Đăng Dung lập nên nhà Mạc”** phần lời do Đinh Văn Liên biên soạn, phân hình ảnh do Nguyễn Quang Cảnh thể hiện.

Nhà xuất bản Trẻ xin trân trọng giới thiệu tập 41 của bộ **Lịch sử Việt Nam bằng tranh**.

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Nhà Mạc tồn tại chính thức chỉ 65 năm (1527-1592). So với triều đại trước, tuy tồn tại ngắn ngủi nhưng trong vòng hơn nửa thế kỷ, triều Mạc để lại nhiều dấu ấn đậm nét trong lịch sử trung đại Việt Nam.

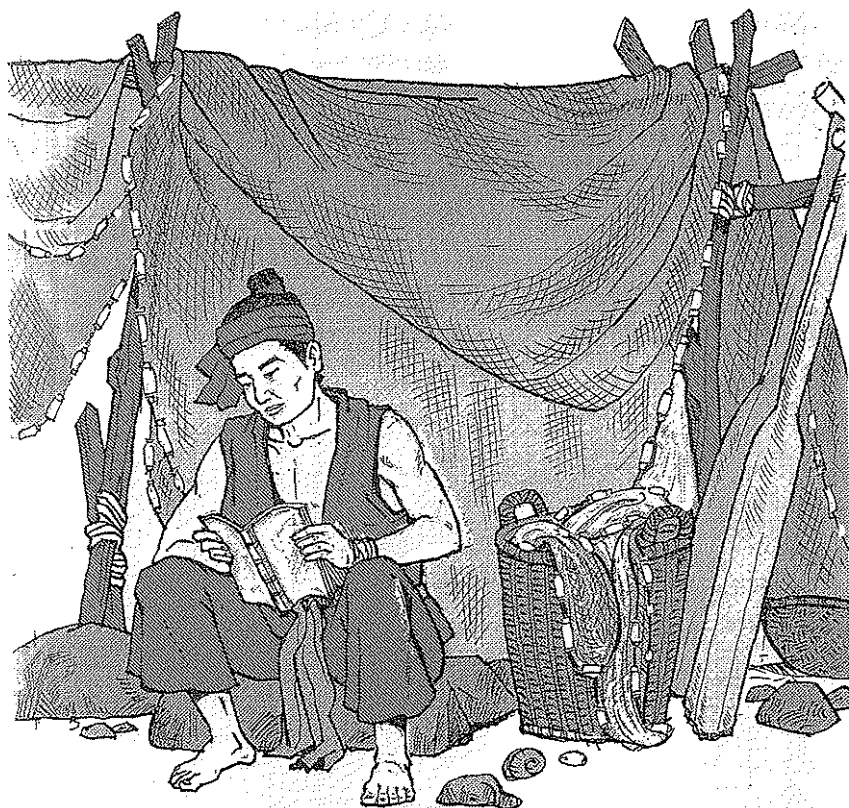
Vào đầu thế kỷ thứ mười sáu, nội bộ triều đình nhà Lê đã bắt đầu thối nát, kinh tế đất nước bị sa sút và xã hội phân hóa nặng nề. Mạc Đăng Dung lập nên nhà Mạc và bắt tay chinh đồn tạo sự đổi thay trong kinh tế, xã hội và văn hóa của nước ta trong thế kỷ XVI. Song việc dựng lại nhà Lê ở phương Nam, sự uy hiếp của nhà Minh ở phương Bắc buộc nhà Mạc phải chống đỡ từ nhiều phía, và kết cuộc nhà Lê về lại Thăng Long.



Xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XVI đã phân hóa và khủng hoảng trầm trọng. Trong triều Lê, vua quan ăn chơi sa đọa. Bên ngoài, bè đảng nổi lên cát cứ, uy hiếp triều đình. Các vua Lê không còn thực quyền, mặc tình quan lại định đoạt.

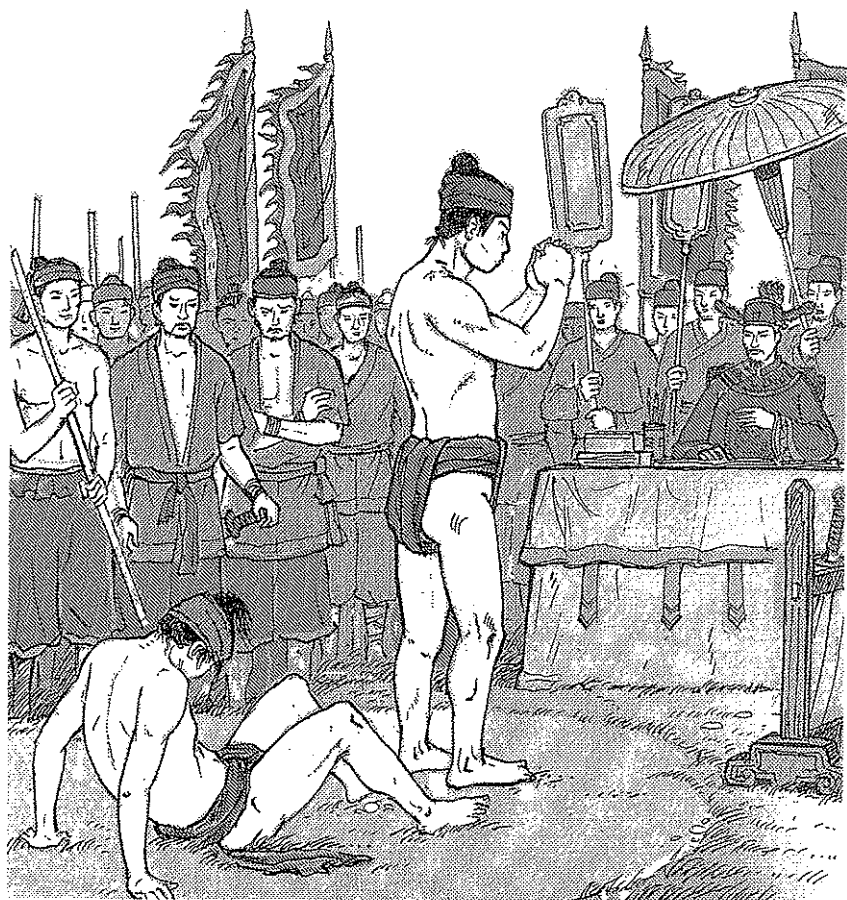
Trong buổi loạn lạc ấy, Mạc Đăng Dung xuất hiện. Ông sinh ngày 23 tháng 11 năm Quý Mão (1483), trong một gia đình làm nghề đánh cá ở làng Cổ Trai, huyện Nghi Dương (nay là huyện Kiến Thụy, Kiến An, Hải Phòng). Ông có sức khỏe phi thường và bản tính dũng mãnh không nề gian khó.





Sử cũ cho biết: Tổ tiên của Mạc Đăng Dung là vị Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi. Vì gốc nhà có học nên ba anh em Mạc Đăng Dung, Mạc Đăng Đốc, Mạc Đăng Quyết đều đèn sách và thạo võ nghệ.

Năm Đinh Mão (1507), vua Lê Uy Mục tổ chức khoa thi Võ cử. Mạc Đăng Dung tham gia, đấu Đồ lực sĩ, được sung vào quân Túc vệ, bảo vệ cung cấm.





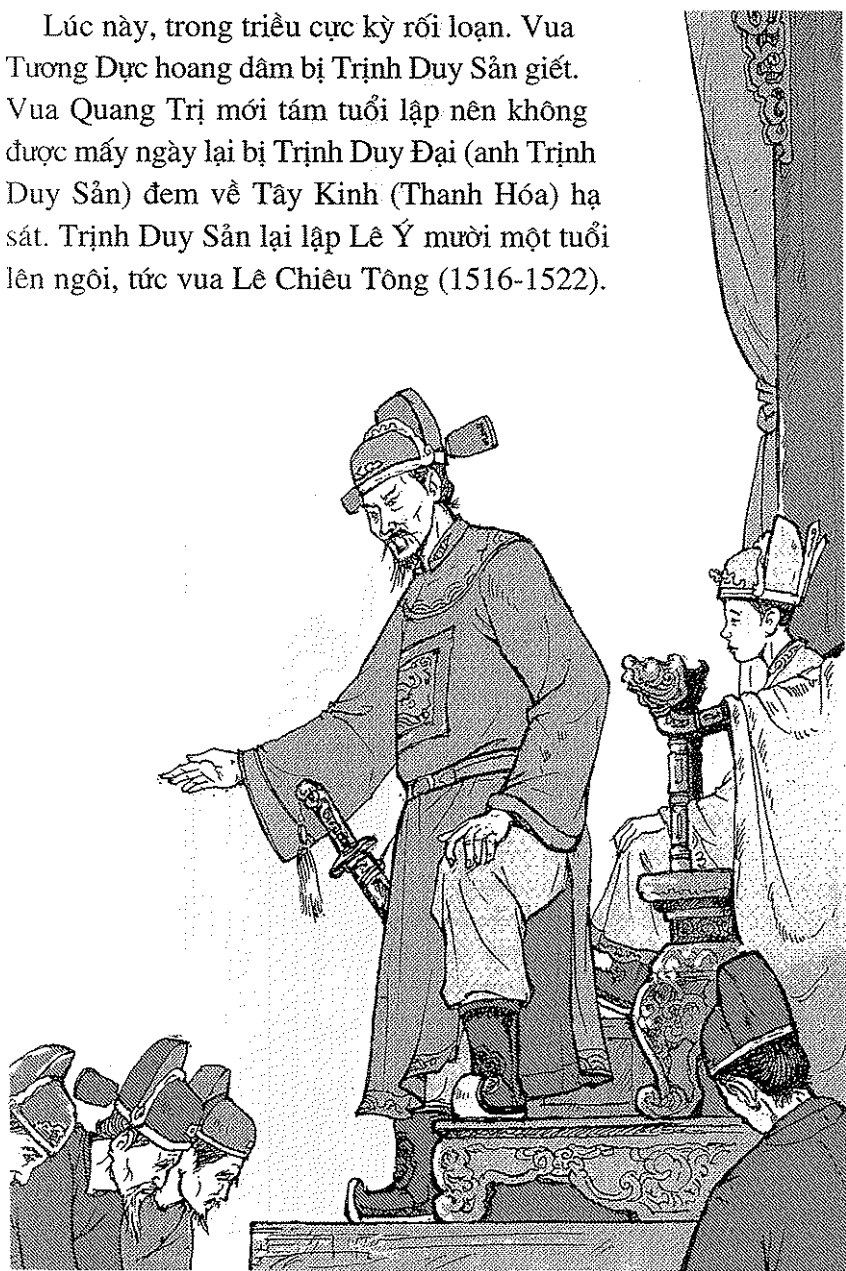
Nhờ chuyên cần và biết giữ lễ nghĩa, lại trung thành và tận tâm, chỉ một năm sau, Mạc Đăng Dung được thăng Đô chỉ huy sứ vệ Thần vũ, sau lại được vua Lê gả công chúa cho. Năm 1511, dưới thời vua Lê Tương Dực, ông được phong tước Vũ Xuyên bá(*) khi mới 27 tuổi.

* Tước bá đứng thứ ba trong năm bậc: công – hầu – bá – tử – nam.

Năm 1515, cha Mạc Đăng Dung qua đời. Vì là con trưởng, Mạc Đăng Dung phải chăm lo cho mẹ già và dòng tộc, lại vừa đảm đương việc trong triều. Lúc này, ông được phong làm Phó tướng Tả đô đốc, trấn thủ Sơn Nam, một trong bốn trấn lớn và quan trọng của vùng đồng bằng Đại Việt. Từ đây, ông trở thành vị tướng có nhiều thế lực trong triều đình nhà Lê.

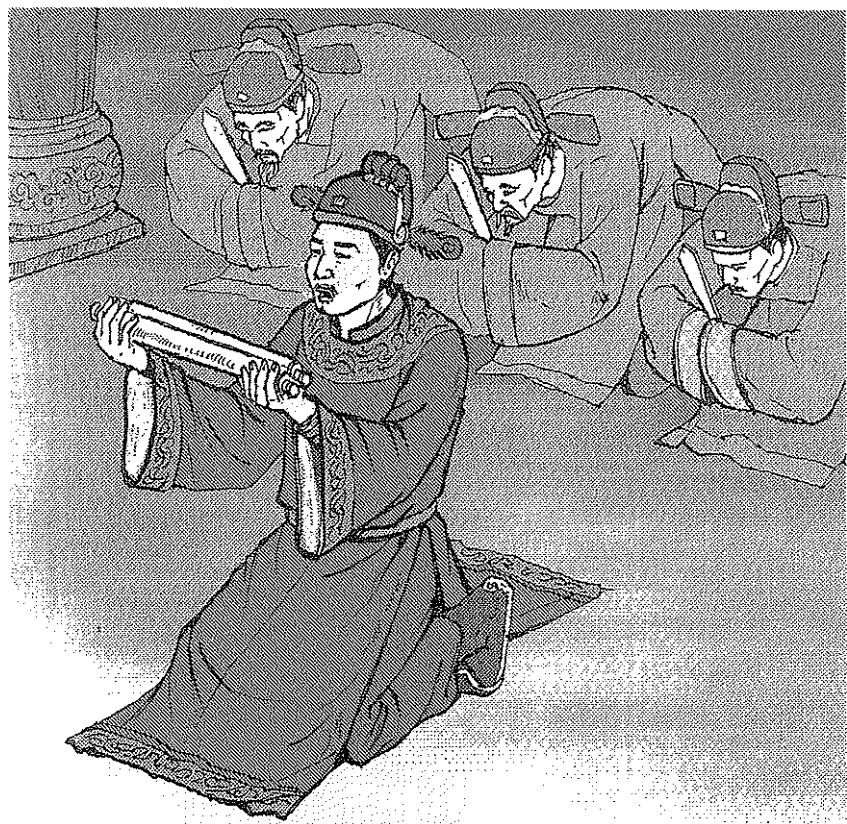


Lúc này, trong triều cực kỳ rối loạn. Vua Tương Dục hoang dâm bị Trịnh Duy Sản giết. Vua Quang Trị mới tám tuổi lập nên không được mấy ngày lại bị Trịnh Duy Đại (anh Trịnh Duy Sản) đem về Tây Kinh (Thanh Hóa) hạ sát. Trịnh Duy Sản lại lập Lê Ý mười một tuổi lên ngôi, tức vua Lê Chiêu Tông (1516-1522).



Giữa cảnh nội loạn, Mạc Đăng Dung dâng sớ lên vua Lê xin trị tội Cù Khắc Xương, Trần Công Vụ vì làm nhiều điều phi pháp, mê hoặc dân chúng bằng tà thuật. Bản sớ của ông lại đòi trị tội Thừa chính sứ Lê Toàn, Hiến sát sứ Đỗ Thao cũng hùa theo tà đạo. Vua theo sớ dâng, trị tội những tên lừa đảo, buôn thần bán thánh.





Tháng 12 nhuận năm Đinh Sửu (1517), Mạc Đăng Dung dâng sớ kể tội Lê Quảng Độ phản trắc, làm nội ứng giết vua Lê Uy Mục lại hợp với Trịnh Duy Sản giết vua Tương Dực, lại hậu ứng cho cuộc nổi dậy của Trần Cao để mưu cầu danh lợi. Việc làm của Mạc Đăng Dung hợp với lòng người đương thời nên được nhiều người hưởng theo.

Bấy giờ, vua còn nhỏ tuổi, các tướng xưng hùng xưng bá, thế nước lâm nguy nên Mạc Đăng Dung được vua Lê tin dùng. Ông được thăng tước Vũ Xuyên hầu, trấn thủ Hải Dương. Đến năm 1521, ông được phong là Nhân Quốc công, lãnh quyền Tiết chế các doanh quân thủy bộ cả 13 đạo trong nước. Ông khôn khéo thu tóm dần quyền hành về cho mình.

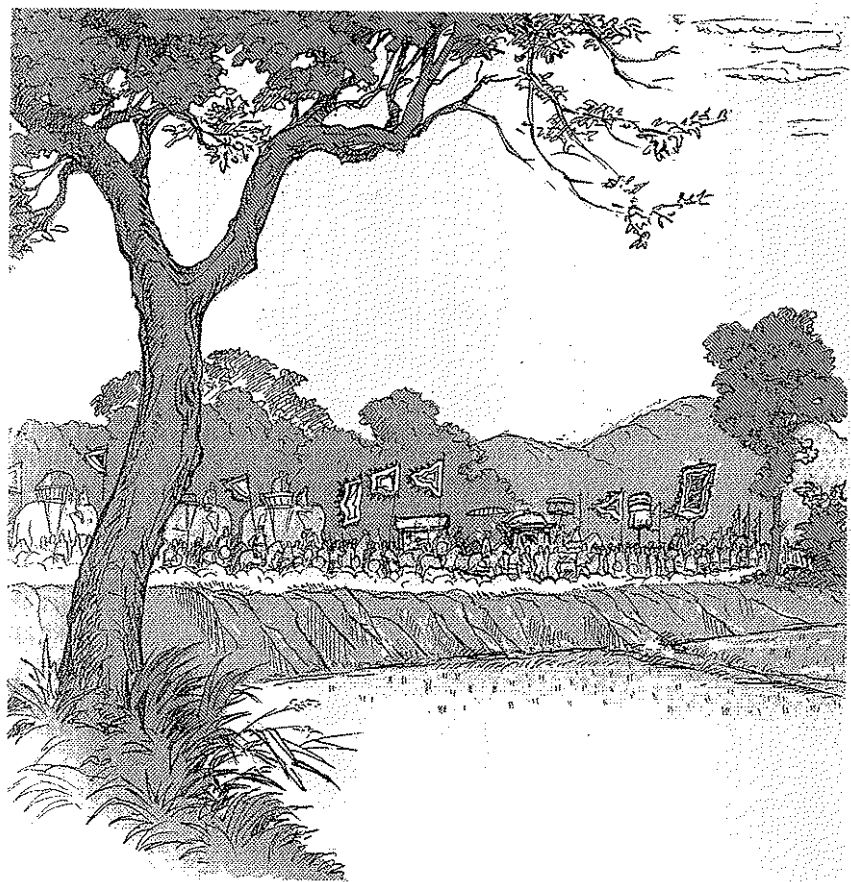


Tính kế lâu dài, Mạc Đăng Dung dâng con gái nuôi vào làm phi tần, dò xét động tĩnh của vua. Ông còn phong cho con mình là Mạc Đăng Doanh làm Dục Mỹ hầu trông coi điện Kim Quang. Bên ngoài các em ông đều là tướng nắm giữ những vùng trọng yếu.

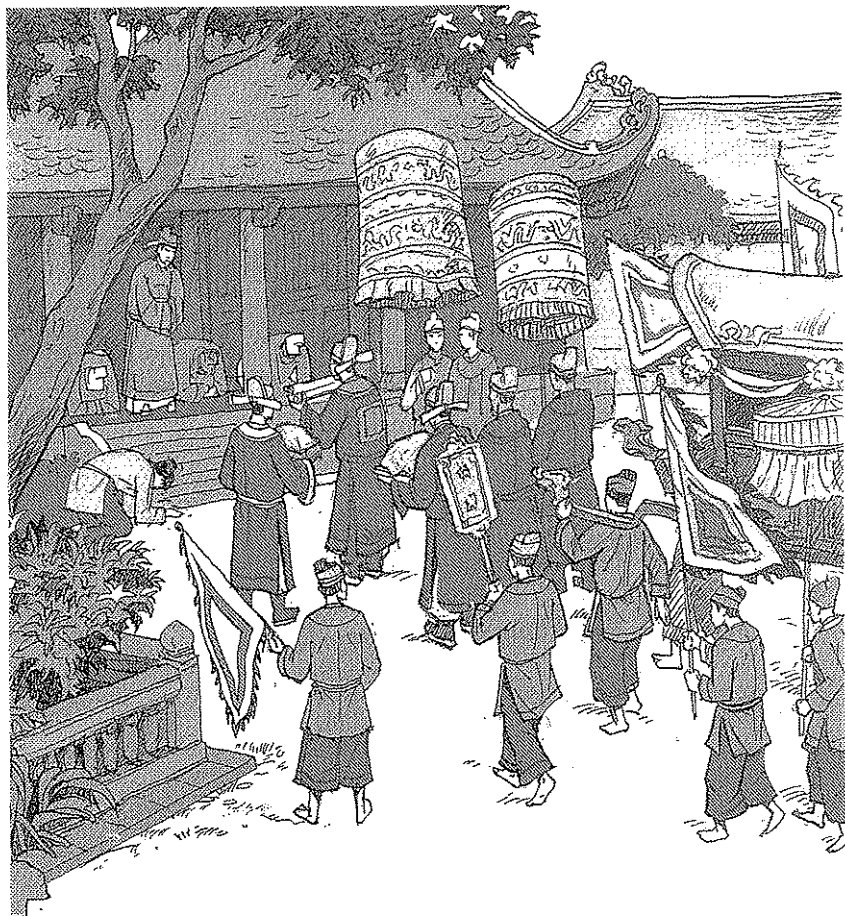


Càng ngày uy quyền của Mạc Đăng Dung càng lớn, ông mang guơm ra vào cung cấm không kiêng nể ai, lại ngang nhiên chiếm nghi vệ thiên tử. Ông còn tiêu diệt những người hầu thân tín của vua như Thị vệ Nguyễn Cấu, Đô lục sĩ Nguyễn Thọ và Đàm Cửu để triệt bớt vây cánh.





Năm 1522, Lê Chiêu Tông sợ Mạc Đăng Dung làm phản nên cùng Phạm Hiến, Phạm Thử chạy lên Sơn Tây. Mạc Đăng Dung giáng Chiêu Tông làm Đà Dương vương và lập hoàng đệ của vua là Xuân lên ngôi, tức Lê Cung Hoàng. Sợ quân các nơi uy hiếp, Mạc Đăng Dung rước vua về Gia Phúc (nay là Gia Lộc thuộc tỉnh Hải Dương), cho chuyển tiền của, vàng bạc ở các kho trong thành về cả nơi đây.

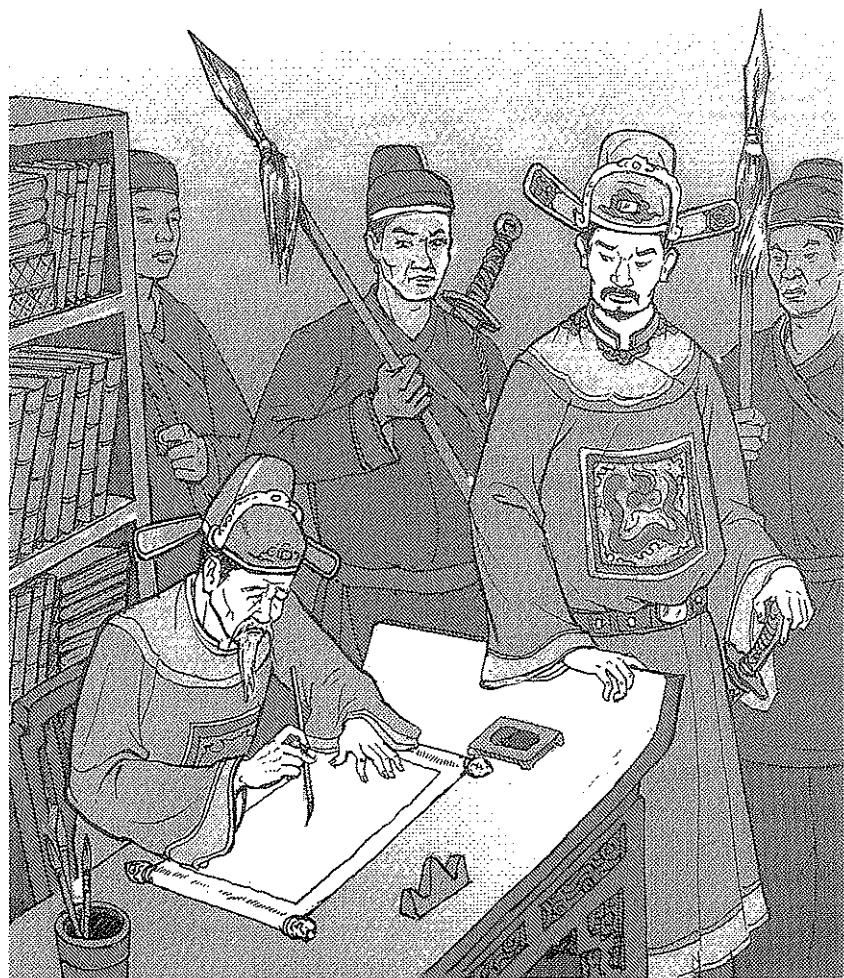


Trong vòng năm năm (1522-1527), Mạc Đăng Dung lần lượt dẹp tan các phe phái chống đối, giết vua Lê Chiêu Tông. Sau đó, Mạc Đăng Dung lui về quê, không ngó ngàng ngai vàng, địa vị. Vì vậy, ông được vua Lê Cung Hoàng trọng vọng, làm thơ ca tụng, tấn phong làm An Hưng vương.

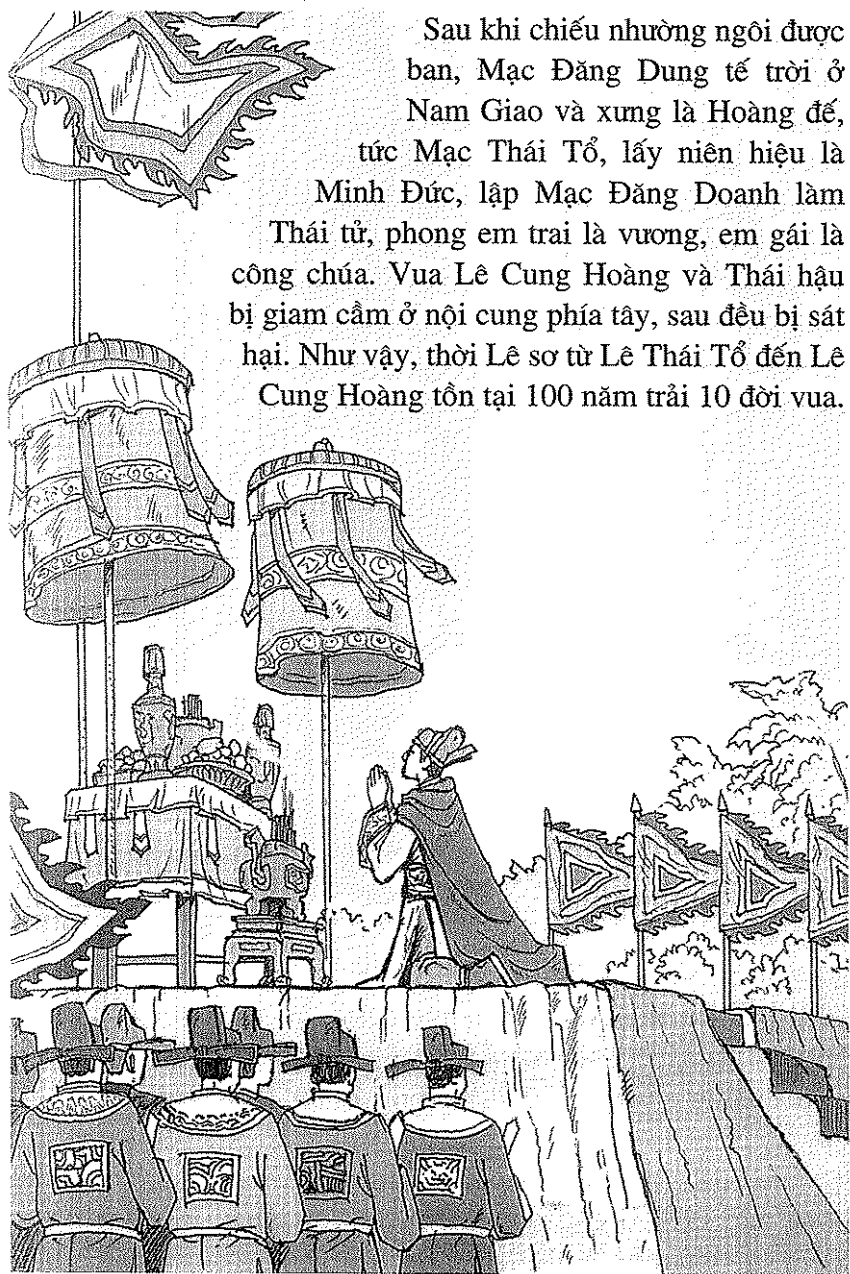
Mỗi lần về kinh yết kiến vua, Mạc Đăng Dung được dân chúng đón mừng nồng nhiệt. Thấy lòng người đã hướng về mình tháng 6 năm Đinh Mão (1527), ông vào kinh, ép vua Lê truyền ngôi cho mình. Ông lệnh cho Thượng thư Trương Phu Duyệt thảo chiếu nhường ngôi nhưng bị Phu Duyệt quắc mắt, mắng ông ngay giữa triều đình.

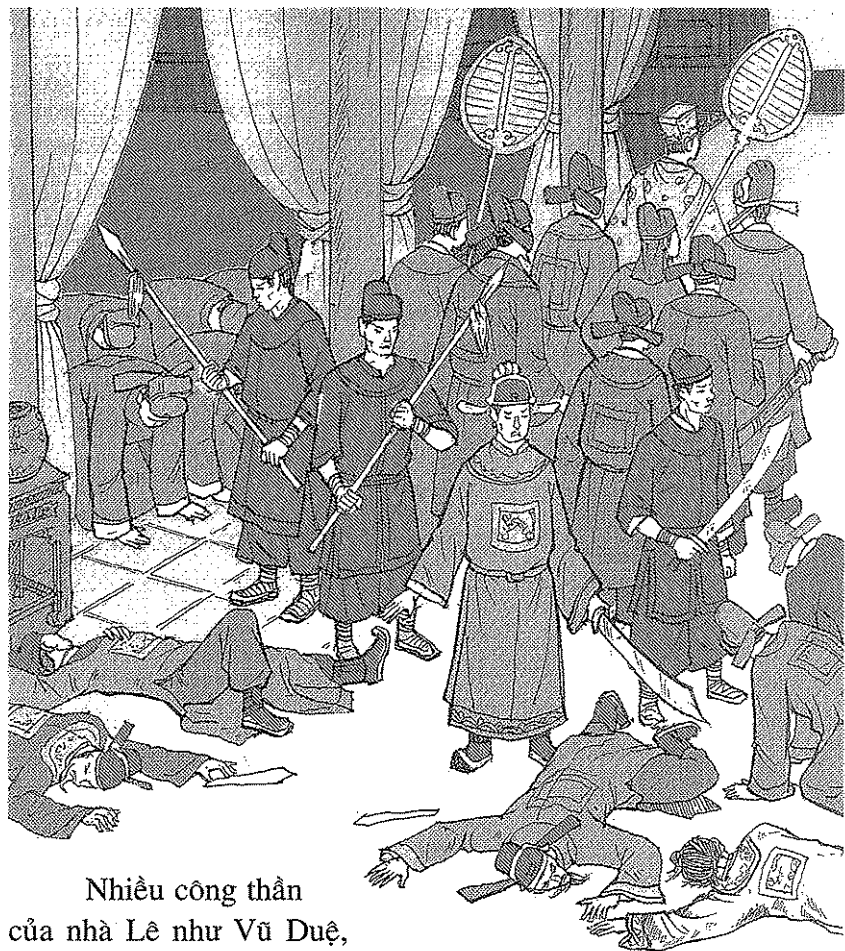


Cuối cùng, Đông các Đại học sĩ Nguyễn Văn Thái cũng phải thảo chiếu nhường ngôi trong đó có câu: "... Ta bạc đức, nối ngôi không thể gánh nổi. Mệnh trời và lòng người hướng về người có đức. Vậy nay, Thái sư An Hưng vương Mạc Đăng Dung là người tư chất thông minh, đủ tài văn võ, bên ngoài đánh dẹp, bốn phương đều phục, bên trong trị nước trăm họ yên vui nên ta theo lễ phải nhường ngôi..."



Sau khi chiếu nhường ngôi được ban, Mạc Đăng Dung tế trời ở Nam Giao và xưng là Hoàng đế, tức Mạc Thái Tổ, lấy niên hiệu là Minh Đức, lập Mạc Đăng Doanh làm Thái tử, phong em trai là vương, em gái là công chúa. Vua Lê Cung Hoàng và Thái hậu bị giam cầm ở nội cung phía tây, sau đều bị sát hại. Như vậy, thời Lê sơ từ Lê Thái Tổ đến Lê Cung Hoàng tồn tại 100 năm trải 10 đời vua.

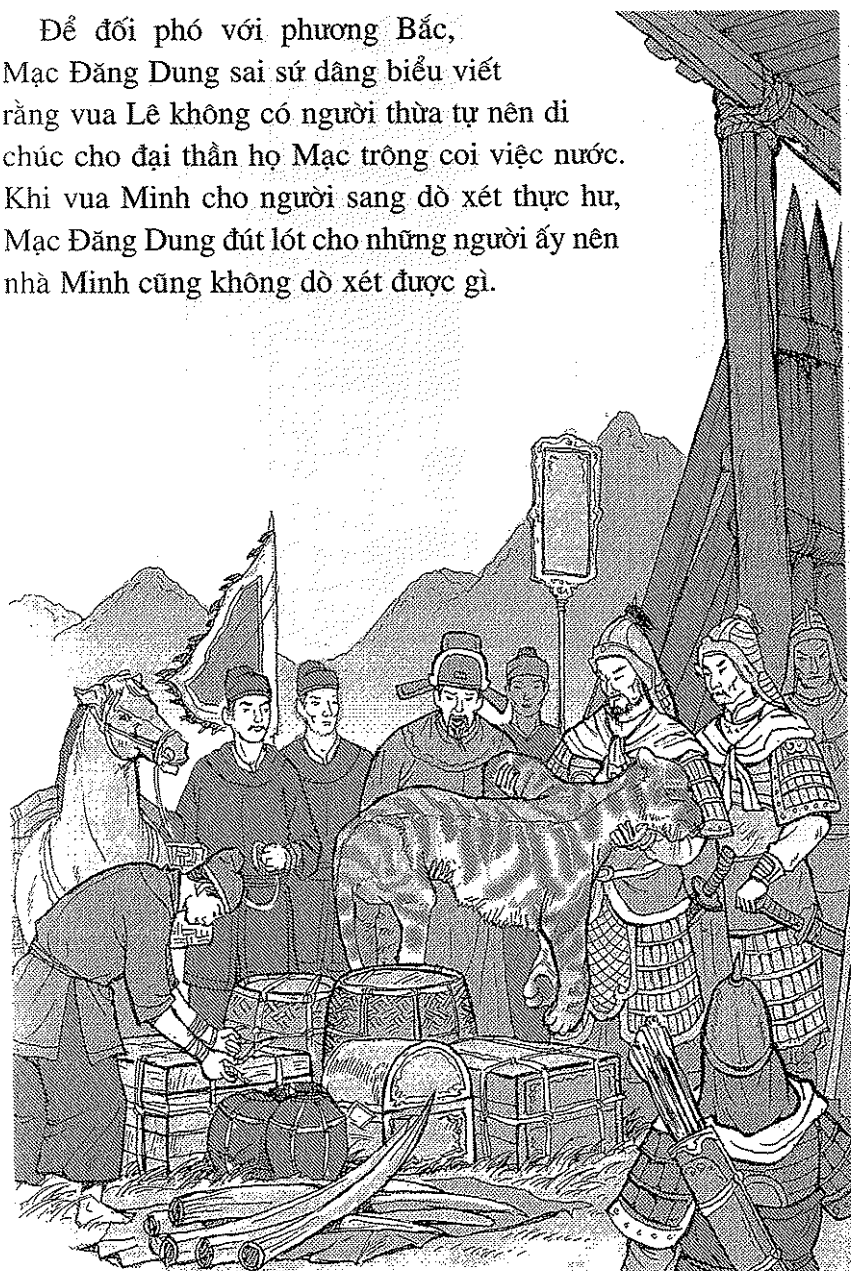




Nhiều công thần
của nhà Lê như Vũ Duệ,
Ngô Hoán, Nguyễn Văn Vọng, Nguyễn

Thái Bạt, Lê Mậu Tuấn phản ứng ngay giữa triều nên đều bị sát hại. Những người khác như Lê Công Uyên, Nguyễn Nhã, Nguyễn Thọ Trường chạy vào Thanh Hóa, dấy binh đánh Mạc. Một số bầy tôi chạy dạt sang phiên bang trong đó có Nguyễn Kim sang Ai Lao dựa vào vùng biên giới hiểm trở để củng cố lực lượng, đồng thời sai thuộc hạ vượt biển đến Yên Kinh (Bắc Kinh) tìm kiếm sự giúp đỡ của nhà Minh.

Để đối phó với phương Bắc,
Mạc Đăng Dung sai sứ dâng biểu viết
rằng vua Lê không có người thừa tự nên di
chức cho đại thần họ Mạc trông coi việc nước.
Khi vua Minh cho người sang dò xét thực hư,
Mạc Đăng Dung đút lót cho những người ấy nên
nhà Minh cũng không dò xét được gì.





Do lên ngôi khi đất nước vừa trải qua nhiều cuộc nội loạn, kỷ cương phép nước lung lay, quan lại chia rẽ, lòng người ly tán, dân tình đói khổ, trộm cướp hoành hành, lại sợ lòng người sinh biến nên Mạc Đăng Dung vẫn duy trì pháp chế nhà Lê. Mãi đến cuối năm 1528, ông mới sai phò mã Lâm Quốc Công, Nguyễn Quốc Hiến và một số đại thần xem xét, chỉnh sửa để phù hợp.



Để củng cố bộ máy quan lại, tháng 2 năm 1528, Mạc Đăng Dung phong tước và phẩm trật cho 56 quan lại tiền triều đã ủng hộ và trung thành với họ Mạc. Năm 1529, vua mở khoa thi Kỷ Sửu lấy 27 người, sung vào những chỗ quan lại còn thiếu. Trạng nguyên có Đỗ Tông, con của Đỗ Nhạc, là người bị Mạc Đăng Dung giết năm 1518 vì cản trở việc quân nhưng Mạc Đăng Dung gạt bỏ hiểm riêng, sử dụng người tài.

Từ đó, cứ ba năm, nhà Mạc đều tổ chức khoa thi, chăm lo việc học và dựng bia Tiến sĩ như triều Lê. Văn bia ghi tên Tiến sĩ khoa Kỷ Sửu năm Minh Đức thứ 3 (1529) cho biết nhà Mạc đã ban nhiều ân điển cho các Tiến sĩ mới đỗ. Do đó, danh tiếng “Mạc thị sùng Nho” (tức nhà Mạc sùng đạo Nho, trọng nho sĩ) kéo dài mãi về sau và được sử sách ghi nhận.



Nhà Mạc rất chú trọng việc tổ chức lực lượng quân đội nhằm bảo vệ kinh thành và nhà vua. Cả nước chia thành bốn vệ gồm: Hung Quốc, Chiêu Vũ, Cẩm Y và Kim Ngô thống lĩnh quân đội ở kinh thành và bốn trấn quan trọng là Hải Dương, Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc. Dưới vệ có ty. Toàn bộ quân đội nhà Mạc ước chừng từ 10 đến 12 vạn quân.

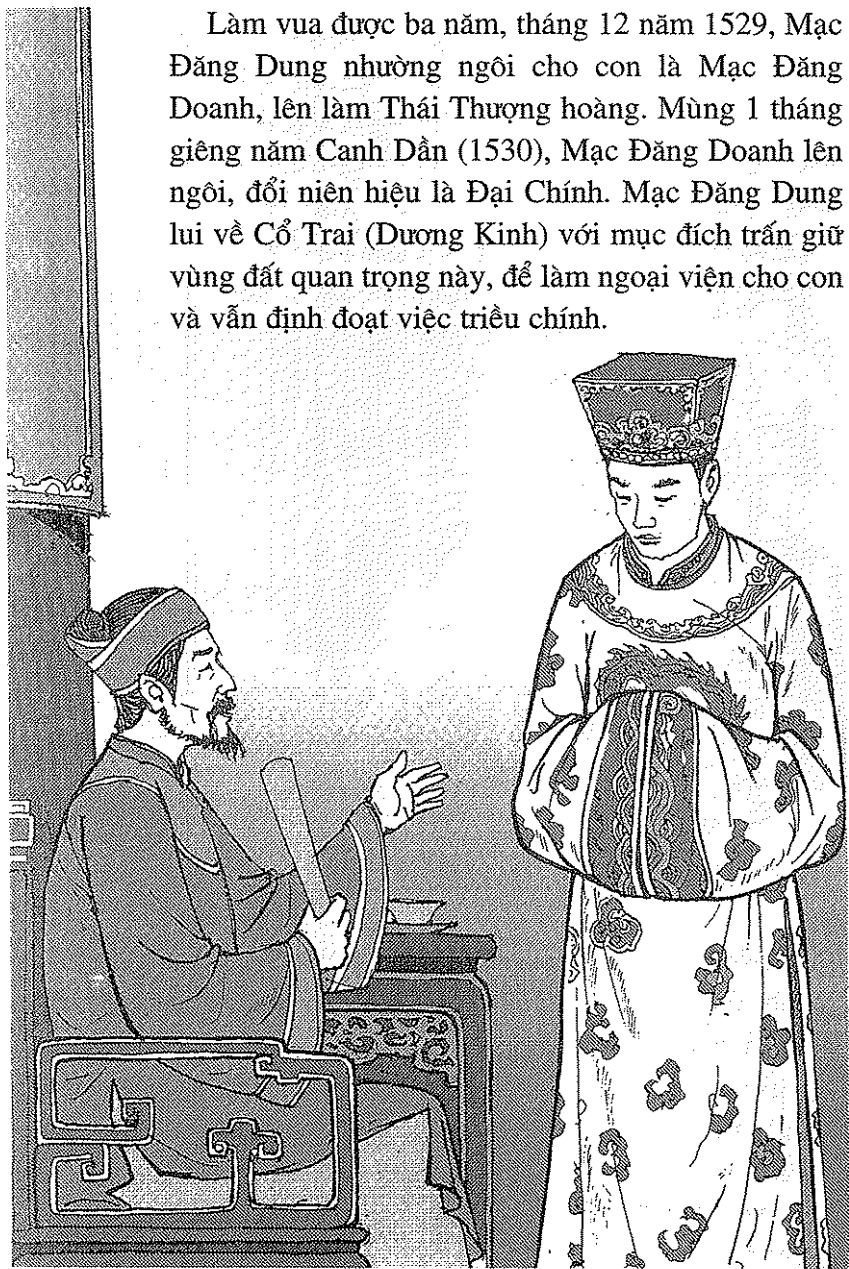




Nhằm giữ an ninh trong nước, Mạc Đăng Dung ra lệnh: “... cấm dân các xứ không được cầm giáo mác và binh khí đi lại trên đường...”. Suốt mấy năm liền, trong nước “ban đêm không có trộm cướp, trâu bò thả chăn không phải đem về. Người đi đường không nhặt của rơi, đêm ngủ cổng ngoài không phải đóng, thường được mùa to, trong cõi tạm yên”^(*).

^{*} Theo Đại Việt sử ký toàn thư, quyển XV, phụ Mạc Đăng Doanh.

Làm vua được ba năm, tháng 12 năm 1529, Mạc Đăng Dung nhường ngôi cho con là Mạc Đăng Doanh, lên làm Thái Thượng hoàng. Tháng 1 tháng giêng năm Canh Dần (1530), Mạc Đăng Doanh lên ngôi, đổi niên hiệu là Đại Chính. Mạc Đăng Dung lui về Cổ Trai (Đương Kinh) với mục đích trấn giữ vùng đất quan trọng này, để làm ngoại viện cho con và vẫn định đoạt việc triều chính.





Ở thời nhà Mạc, dưới thời Mạc Đăng Dung và Mạc Đăng Doanh, tình hình đất nước tương đối ổn định và các biện pháp cải cách của nhà Mạc chủ yếu được tiến hành trong thời kỳ này. Bấy giờ, nhà Mạc tuy không khuyến khích nhưng kinh tế hàng hóa công thương nghiệp vẫn phát triển. Các nghề thủ công thuộc quyền cai quản của Nhà nước như đúc tiền, đóng thuyền, xây dựng được mở rộng. Trong dân gian, các nghề rèn, mộc, nghề gốm,... phát triển đều khắp.



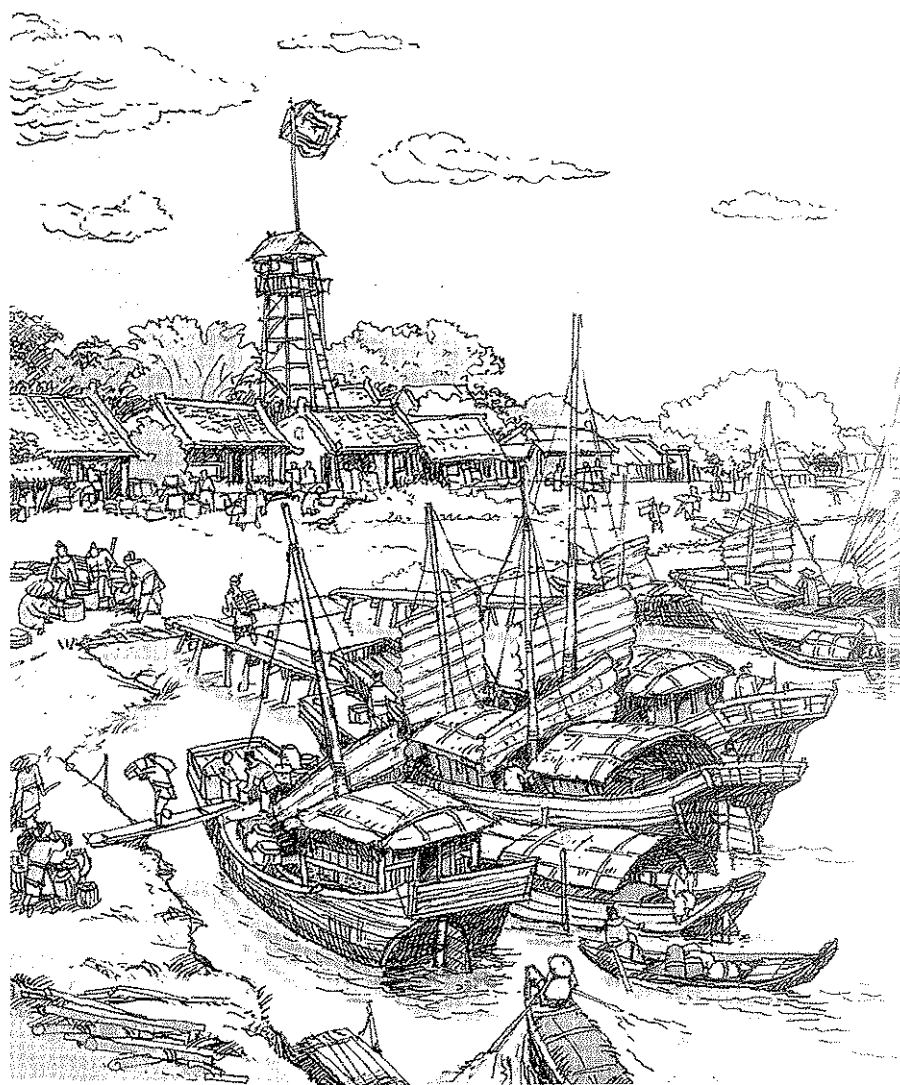
Mạc Đăng Dung có cái nhìn thông thoáng, cởi mở với hoạt động thủ công nghiệp và thương mại. Về tiền tệ, nhà Mạc đã cho đúc tiền nhiều lần và nhiều loại khác nhau như Minh Đức thông bảo bằng đồng, kẽm; Minh Đức nguyên bảo bằng sắt; Đại Chính thông bảo bằng đồng; Quảng Hòa thông bảo bằng đồng,...

Thời Mạc, việc mua bán ruộng đất rất phổ biến như bìa *Khánh
tự bi* cho biết mua một mẫu ruộng hết 30 quan tiền hoặc như bà
Phúc Tuy Thái trưởng công chúa có ruộng thế nghiệp là 5 mẫu 5
sào ở xã Đốc Hành (Tiên Lãng, Hải Phòng) bán lại cho dân trong
xã lấy 120 lạng bạc.

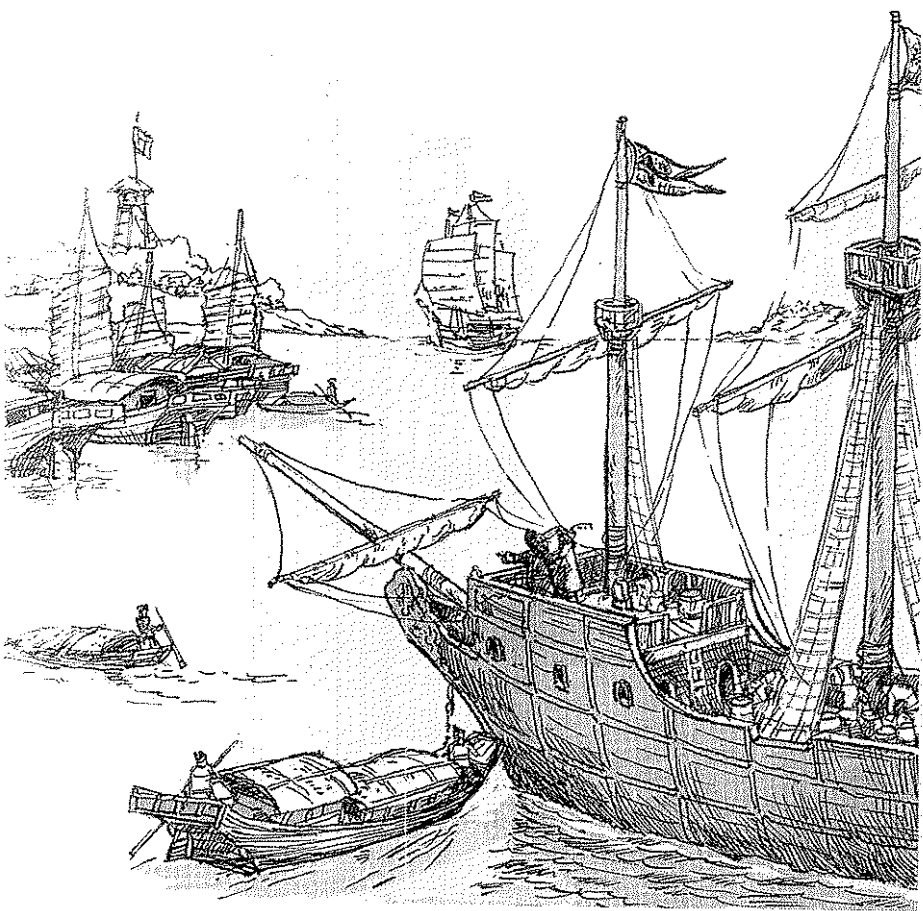




Do nhu cầu của xã hội, các trung tâm mua bán, chợ búa ra đời ngày càng đông đảo. Tấm bia *Kê Cốc Kiều bi* ở Thanh Hà (Hưng Yên) có ghi lại việc buôn bán hưng thịnh ở đầu thời nhà Mạc như sau: “Cảnh vật bốn mùa tươi tốt, vó ngựa dồn dập trên đường, từ việc nông tang đến khách buôn bán đi lại rất thuận lợi”.



Điểm đặc biệt của thời nhà Mạc là sự phát triển cực kỳ thịnh của Phố Hiến. Phố Hiến nổi tiếng với các phường buôn bán, phường thủ công nghiệp. Cảnh mua bán nhộn nhịp, tấp nập đã được lưu truyền trong dân gian: “Thứ nhất kinh kỳ, thứ nhì Phố Hiến”.



Gốm là nghề tiêu biểu và phát triển thịnh đạt nhất thời nhà Mạc. Gốm được sản xuất rộng rãi ở nhiều vùng, đặc biệt ở các vùng Hải Dương, Nam Sách, Vĩnh Bảo. Gốm nhà Mạc trở thành hàng hóa buôn bán rộng rãi khắp nơi, nhiều loại gốm quý còn được đem trao đổi với các nước Philippin, Indonesia, Nhật Bản.





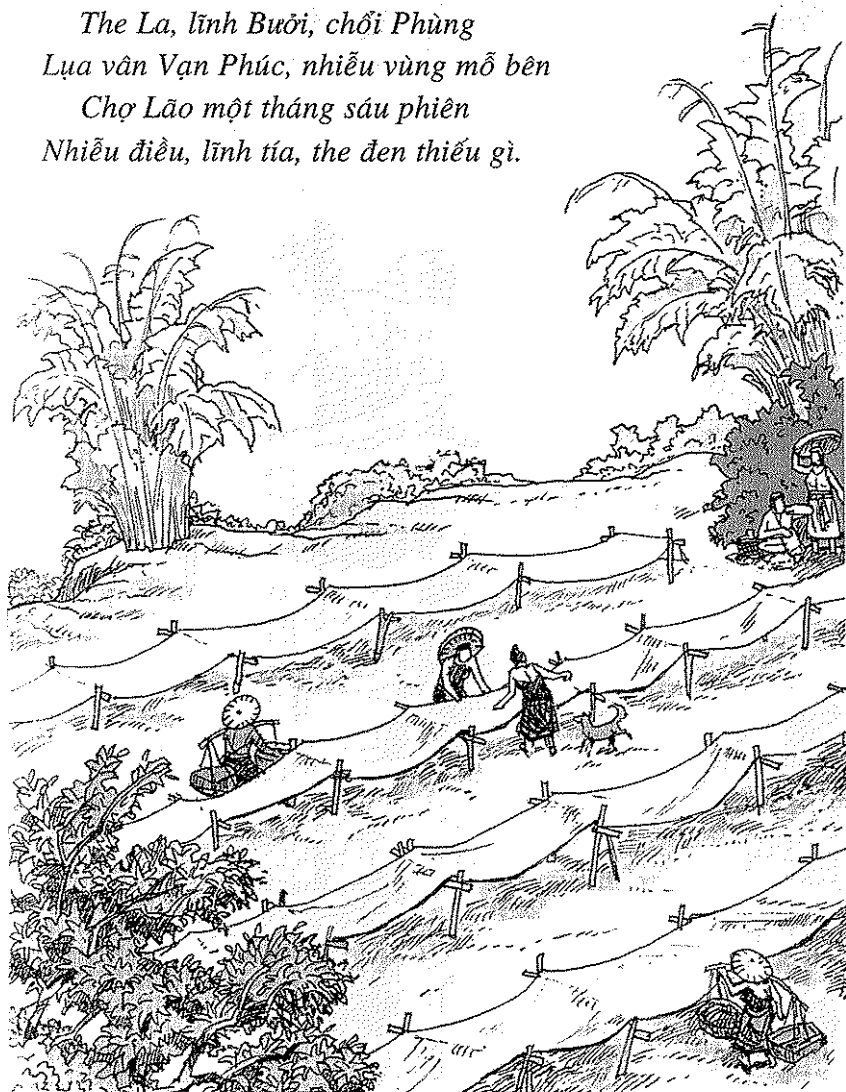
Do triều đình chú trọng, các nghề thủ công cổ truyền ở thời Mạc có bước phát triển. Nghề gốm là nghề tiêu biểu và phát triển thịnh đạt nhất lúc bấy giờ với các làng gốm sứ nổi tiếng như Bát Tràng, Hạp Lễ, Chu Đậu,... đã làm ra nhiều mặt hàng gốm quý giá và nổi tiếng như chân đèn, lư hương, đồ thờ cúng,...

Khác với đồ gốm thời trước, gốm thời Mạc đều có khắc tên người sản xuất, nơi sản xuất, xuất cho ai và để làm gì. Điều này chứng tỏ vai trò cá nhân thời bấy giờ được tôn trọng, người thợ được tự do sản xuất và buôn bán, không bị cấm đoán.



Nghề dệt cũng phát triển mạnh thời Mạc. Tuy nghề dệt chưa tách hẳn khỏi nông nghiệp nhưng nhiều làng đã lấy nghề dệt làm nghề chính. Nhiều nơi nổi tiếng với dệt như làng La (Hà Nội), làng Bưởi (Hà Nội),... đã được lưu truyền trong câu ca:

*The La, lĩnh Bưởi, chổi Phùng
Lụa vân Vạn Phúc, nhiều vùng mỡ bên
Chợ Lã một tháng sáu phiên
Nhiều điều, lĩnh tía, the đen thiếu gì.*



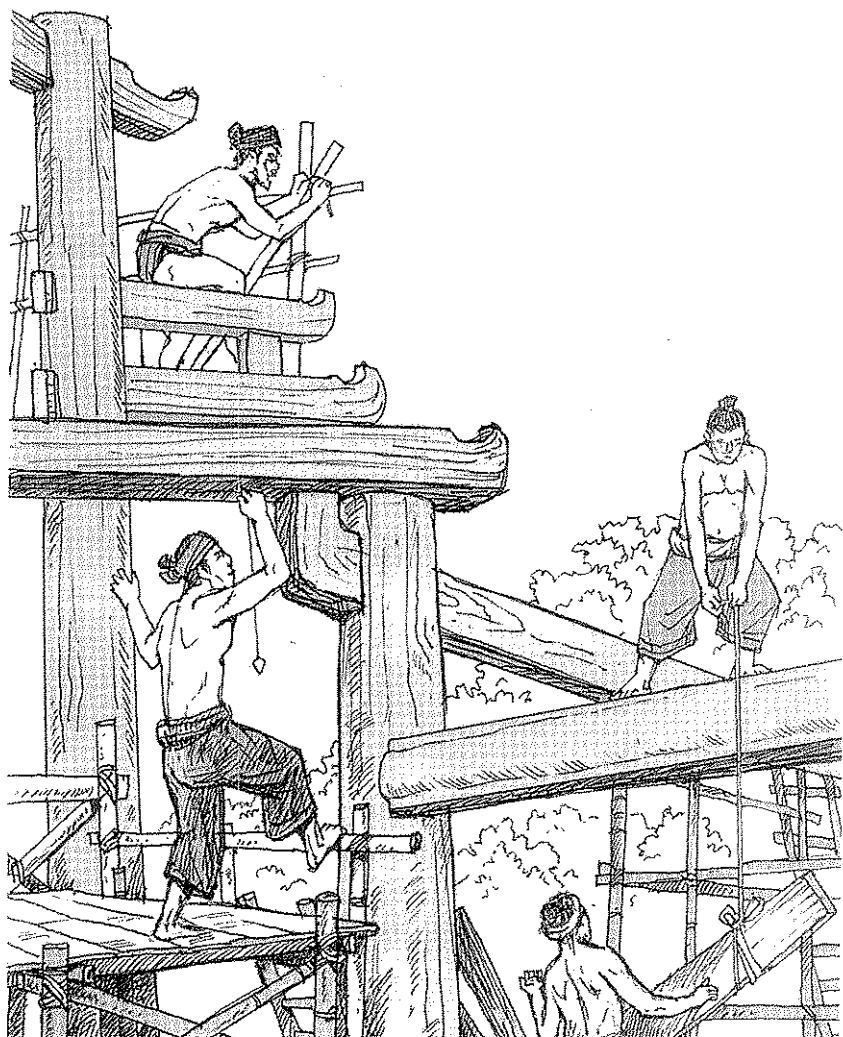
Sản phẩm của nghề dệt cũng vô cùng phong phú. Ngoài những mặt hàng cung ứng cho tầng lớp bình dân còn có các mặt hàng như gấm, the, lụa vàng, đũi, sa, là, nhung, lĩnh... dành cho vua chúa, quan lại và buôn bán với các nước khác. Hình thức sản xuất bấy giờ vẫn là cá thể, tuy có phường, hội nhưng chưa thuê mướn nhân công, có thợ cả, thợ bạn như sau đây.





Nghề chạm khắc đá phát triển đặc sắc trong thủ công nghiệp thời Mạc. Thợ chạm khắc chia thành nhiều hạng: hạng công tượng là những người có tay nghề cao, làm trong các công trình của triều đình hoặc đứng ra chủ trì việc chạm khắc bia đá ở đình, chùa, quán ở các địa phương; thấp nhất là hạng thợ nghiệp dư, hoạt động tự do.

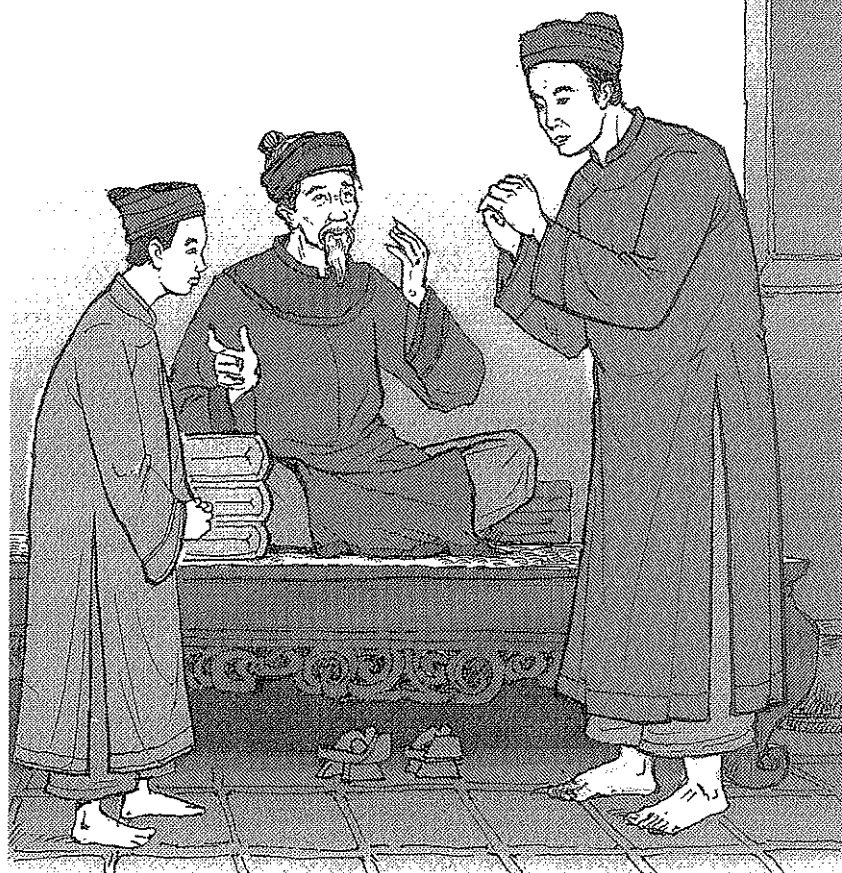
Các ngành nghề phục vụ việc xây dựng như nghề làm gổm, gạch ngói, nung vôi,... cũng phát triển khá thịnh đạt. Theo sử cũ ghi lại, thời nhà Mạc có gần 200 công trình kiến trúc được tôn tạo sửa chữa, trong đó chủ yếu là chùa, cầu, quán, đình,... và khoảng 104 ngôi chùa được xây mới.





Vào thời Mạc, nước ta có rất nhiều nhân tài. Nổi bật nhất là trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm. Ông sinh năm 1491 tại làng Trung Am, huyện Vĩnh Lại, Hải Dương (nay là làng Trung Am, xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng). Cha ông là Nguyễn Văn Định, sau được nhà Mạc truy tặng chức Thái bảo Nghiêm Quận công. Mẹ là Nhữ Thị Thục, là người giỏi văn thơ và am hiểu lý số, tướng pháp.

Nguyễn Bình Khiêm ngay từ tuổi lên năm đã được mẹ truyền dạy kinh sách, thơ Nôm. Ông học đâu nhớ đấy, không quên chữ nào. Lớn lên, ông thụ giáo Bảng nhãn Lương Đắc Bằng. Ông sáng dạ lại chăm chỉ đèn sách nên thường được thầy rất khen ngợi.



Năm Mậu Ngọ (1534), Nguyễn Bình Khiêm ứng thí và đỗ Trạng nguyên. Ông được nhà Mạc trọng dụng, giao chức Tả Thị lang bộ Lại kiêm Đông các Đại học sĩ. Sau tám năm làm quan, đến đời Mạc Phúc Hải, ông dâng sớ đề nghị chém 18 lộng thần. Vua không nghe nên ông cáo lão từ quan.





Khi về quê, Nguyễn Bình Khiêm dựng am Bạch Vân và lấy hiệu “Bạch Vân cư sĩ” mở trường dạy học cạnh sông Tuyết, do đó học trò gọi ông là “Tuyết giang Phu tử”. Nhiều học trò của ông như Lương Hữu Khánh, Nguyễn Dữ, Phùng Khắc Khoan,... sau đều là những bậc danh tiếng.



Không chỉ giỏi văn thơ, tương truyền Nguyễn Bình Khiêm còn được truyền cho bộ Thái Ất chân kinh nên ông tinh thông về lý học, tướng số. Sau này, dù ông không còn làm quan nhưng vua Mạc Hiến Tông (Mạc Phúc Hải) vẫn phong cho ông tước Trình Tuyên hầu vào năm Giáp Thìn (1544), ngụ ý đề cao ông có công khơi nguồn ngành lý học, giống như Trình Y Xuyên, Trình Minh Đạo bên Trung Hoa. Sau đó, ông được thăng chức Thượng thư bộ Lại tước hiệu Trình quốc công.

Dân gian còn truyền tụng: Do tinh thông lý học, các họ Mạc, Lê, Trịnh đều tìm đến Nguyễn Bỉnh Khiêm xin chỉ bảo, nhờ đó mà làm nên nghiệp lớn như ông khuyên Nguyễn Hoàng nên đi vào phương nam với câu “Hoành Sơn nhất đái, vạn đại dung thân” (nghĩa là “Một dải Hoành Sơn có thể dung thân lâu dài”), khuyên vua tôi nhà Mạc “Cao Bằng tuy thiểu, khả diên số thế” (tức “Cao Bằng tuy nhỏ, nhưng có thể giữ được”),...





Khoa thi năm Mậu Tuất (1538) có Trạng nguyên Giáp Hải là người cương trực, hết lòng vì dân vì nước. Tương truyền thuở nhỏ ông bị lưu lạc làm con nuôi một người lái buôn ở làng Dĩnh Kế (nay thuộc thôn Dĩnh Trì, huyện Lang Giang, tỉnh Bắc Giang). Thấy ông thông minh, đĩnh ngộ, cha mẹ đã mời thầy về dạy dỗ cho ông.

Khi đỗ Trạng nguyên, vinh quy bái tổ về làng, tình cờ biết về thân phận mình, Giáp Hải để tâm tìm kiếm cha mẹ ruột. Một lần có việc quan phải qua làng Công Luận (thuộc Văn Giang, Hưng Yên) ông dừng chân ở một hàng nước. Qua câu chuyện với bà hàng nước, ông nhận ra người ấy là mẹ ruột. Giáp Hải bèn rước mẹ về phụng dưỡng chu đáo, ai cũng khen là người chí hiếu.



Ra làm quan, vốn tính cương trực, thanh liêm nên Giáp Hải được nhiều người quý trọng. Nhiều lần Giáp Hải được cử đi sứ nhà Minh, với tài ứng đối và giỏi biện luận, ông đã làm cho vua quan nhà Minh phải kiêng nể.



Dưới thời Mạc Mậu Hợp, Giáp Hải làm Thượng thư bộ Lại, tước Luân Quận công. Xót thương dân chúng nghèo khổ do chiến tranh Lê – Mạc, ông đã dâng lên bản điều trần, mong vua thay đổi chính sách cai trị để hợp với lòng dân.



Vua Mạc tuy không nghe theo bản điều trần nhưng vẫn trọng đãi Giáp Hải, mấy lần ông xin cáo lão về quê đều không được chấp thuận. Mãi đến năm 71 tuổi, ông mới được từ quan. Ông được vua Mạc ban cho câu đối:

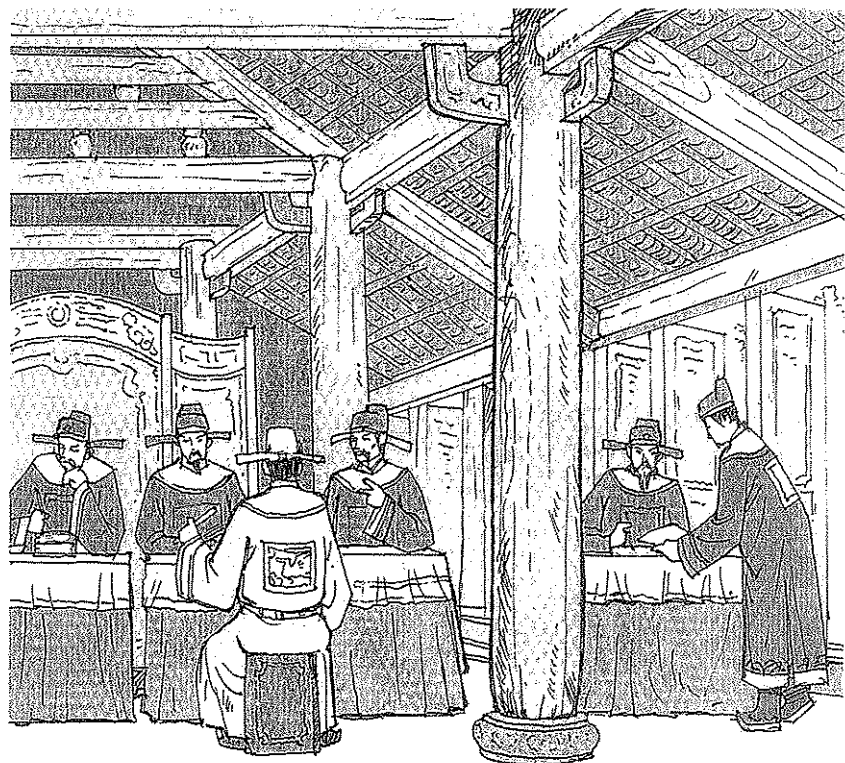
Trạng đầu, Tế tướng, Đầu Nam tuấn.

Quốc lão, đế sư, thiên hạ tôn.

*(Đỗ Trạng nguyên, làm tế tướng,
danh tựa Nam Đầu.*

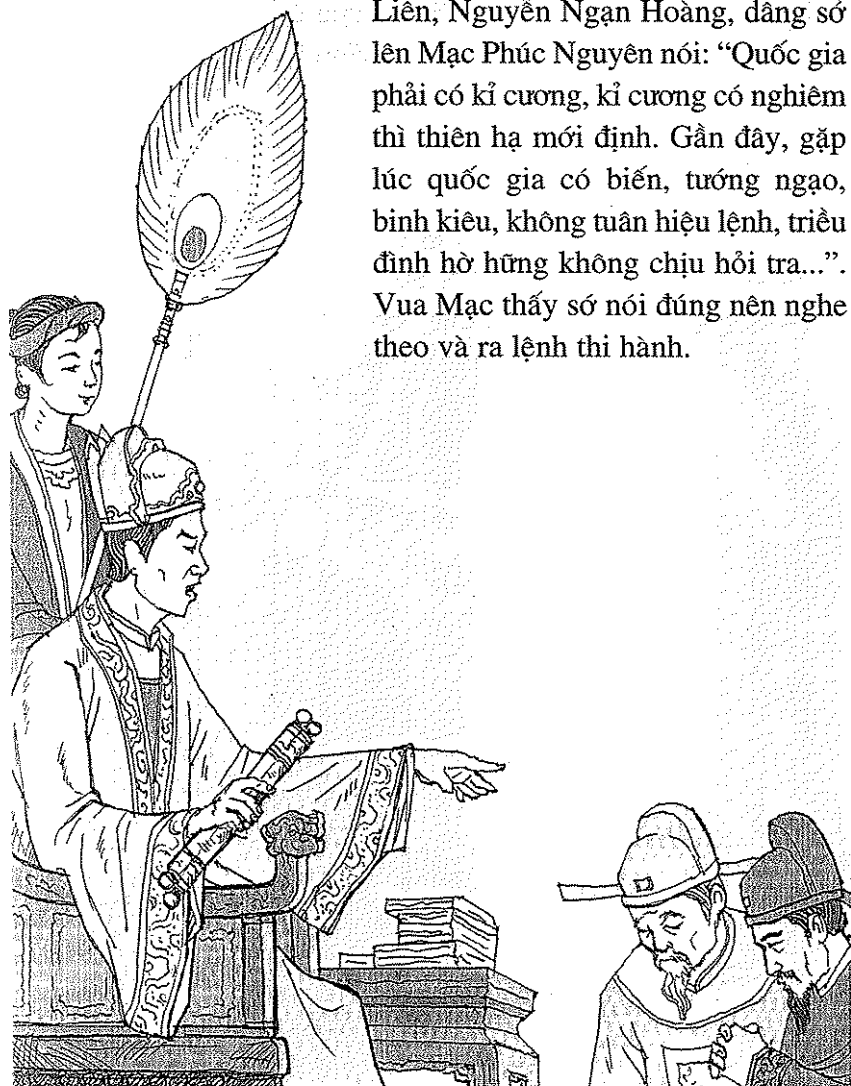
*Là quốc lão, làm thầy vua,
được mọi người kính trọng.)*





Dưới thời nhà Mạc còn có nhiều Trạng nguyên thực sự là tài năng đất nước như: Nguyễn Thiến, Phạm Trấn, Phạm Duy Quyết,... Chỉ hơn 61 năm thực sự nắm quyền, nhà Mạc đã mở hơn 21 khoa thi Hội, lấy đỗ 13 Trạng nguyên, 460 Tiến sĩ. So với con số khoảng 49 Trạng nguyên trong suốt 800 năm thi cử Hán học của nước ta, mới thấy rằng nhà Mạc rất coi trọng nhân tài, đẩy mạnh việc đào tạo, thi cử.

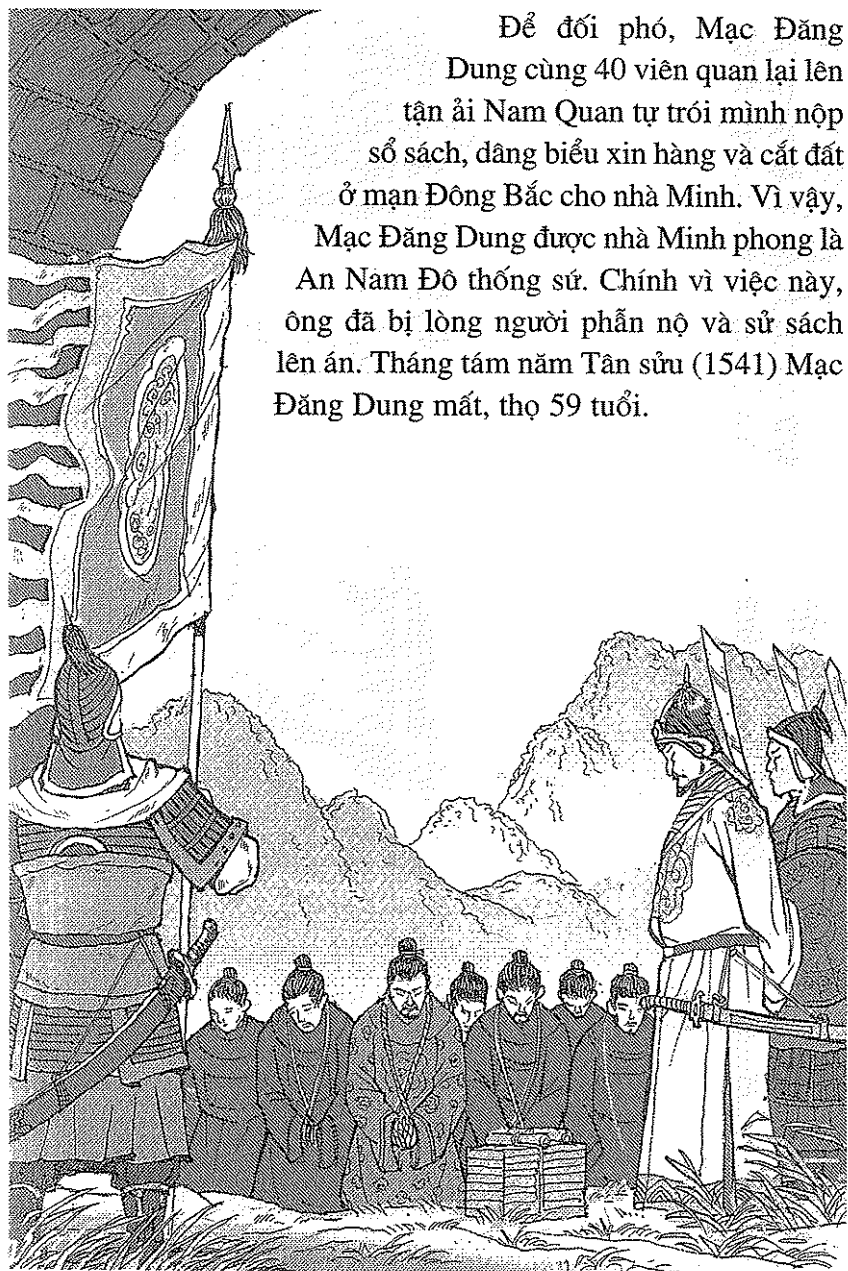
Điểm nổi bật của triều đình nhà Mạc là các vua Mạc dám nghe lời nói thẳng của các quan. Tháng sáu năm Tân Hợi (1551), Nguyễn Quý Liên, Nguyễn Ngạn Hoàng, dâng sớ lên Mạc Phúc Nguyên nói: “Quốc gia phải có kỉ cương, kỉ cương có nghiêm thì thiên hạ mới định. Gần đây, gặp lúc quốc gia có biến, tướng ngạo, binh kiêu, không tuân hiệu lệnh, triều đình hờ hững không chịu hỏi tra...”. Vua Mạc thấy sớ nói đúng nên nghe theo và ra lệnh thi hành.

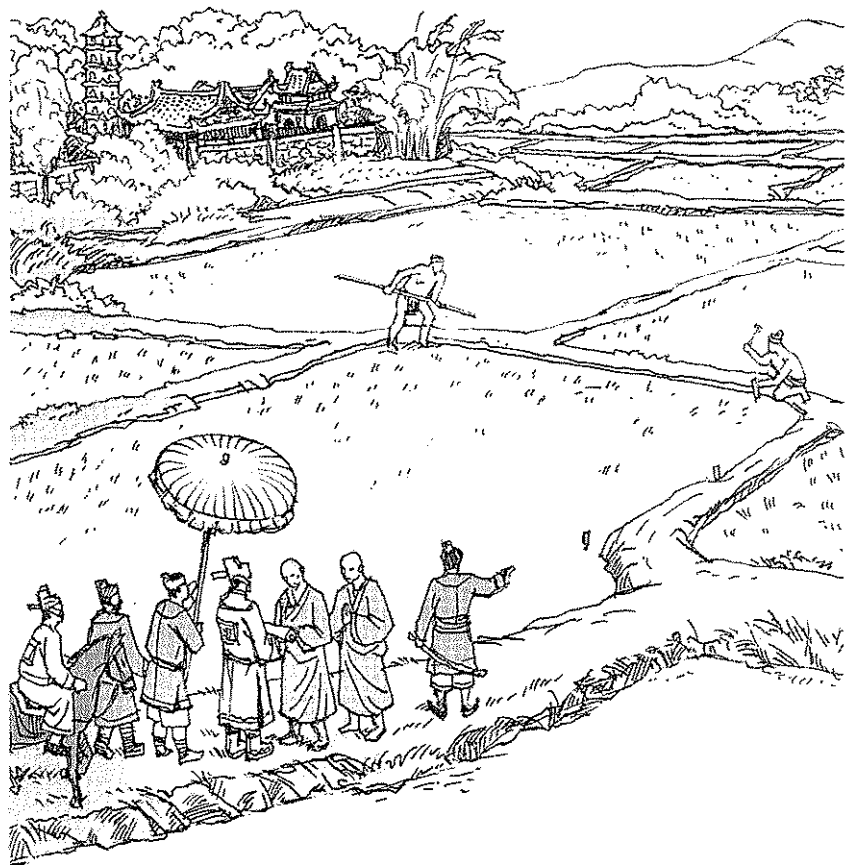


Sau 10 năm ở ngôi, ngày 15 tháng Giêng năm Canh Tý (1540), Mạc Đăng Doanh mất. Thượng hoàng Mạc Đăng Dung lập con trưởng của Mạc Đăng Doanh là Mạc Phúc Hải lên nối ngôi. Dưới thời Mạc Phúc Hải, nhà Minh uy hiếp ở biên giới phía bắc. Trong khi đó ở mạn nam, từ năm 1530, các cựu thần nhà Lê đã tập hợp lực lượng dấy binh ở Thanh Hóa khiến nhà Mạc phải chống đỡ vất vả.



Để đổi phò, Mạc Đăng Dung cùng 40 viên quan lại lên tận ải Nam Quan tự trời mình nộp sổ sách, dâng biểu xin hàng và cắt đất ở mạn Đông Bắc cho nhà Minh. Vì vậy, Mạc Đăng Dung được nhà Minh phong là An Nam Đô thống sứ. Chính vì việc này, ông đã bị lòng người phẫn nộ và sử sách lên án. Tháng tám năm Tân sửu (1541) Mạc Đăng Dung mất, thọ 59 tuổi.



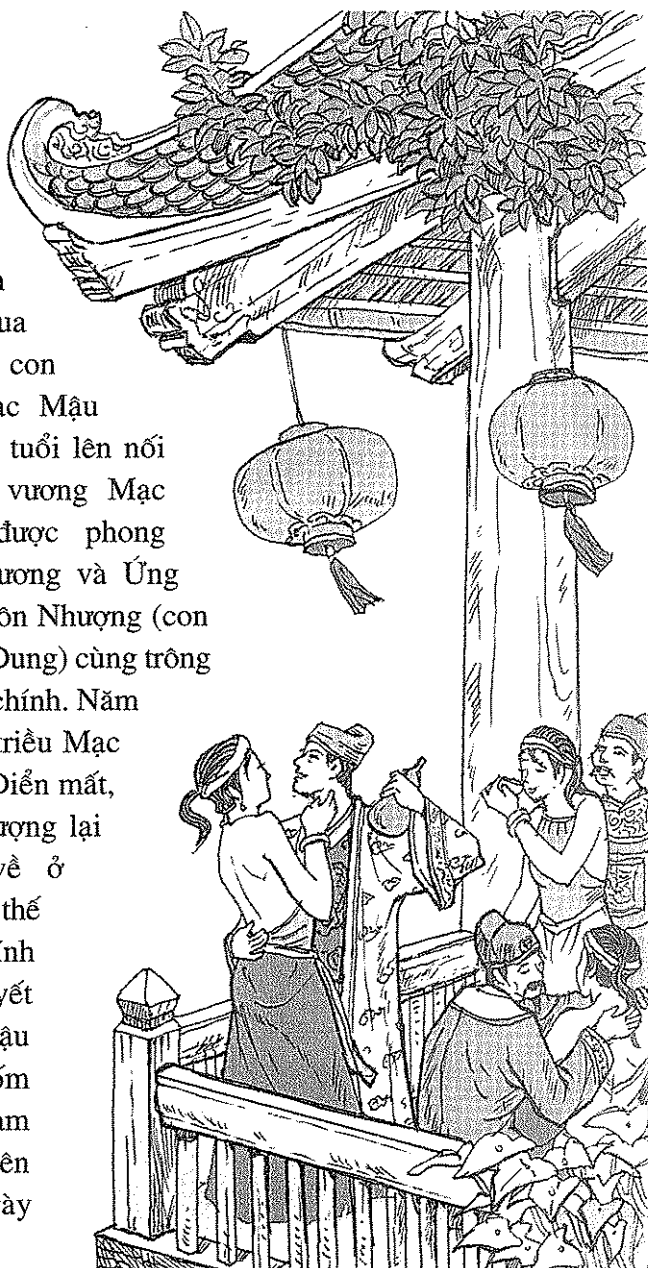


Để lôi kéo sự ủng hộ tích cực của quân lính, năm 1543, Mạc Phúc Hải đã thực hiện việc chia cấp lộc điền, đặc biệt có lộc điền cho binh sĩ. Nhà Mạc quy định các xã có ruộng công hoặc ruộng chùa đều phải trích ra một phần ban cho quân sĩ như một thứ lương bổng theo chế độ, từ 4-5 mẫu/ người.

Tháng 5 năm Bính Ngọ (1546), Mạc Phúc Hải mất, con trưởng là Mạc Phúc Nguyên kế vị, tức Mạc Tuyên Tông. Vì vua nhỏ tuổi nên mọi việc trong triều đều do chú ruột là Khiêm vương Mạc Kính Điển quyết định. Năm 1557, Mạc Kính Điển đem quân đánh Thanh Hóa nhưng thua to phải rút. Hai năm sau, quân Lê – Trịnh tấn công vào các trấn quan trọng của nhà Mạc như Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương,... Quân Mạc phải rút vào phòng thủ bên ngoài Thăng Long.



Giữa lúc cuộc chiến Lê – Trịnh và Mạc gay go, quyết liệt thì Mạc Phúc Nguyên lâm bệnh qua đời (1564), con trưởng là Mạc Mậu Hợp mới một tuổi lên nối ngôi. Khiêm vương Mạc Kính Điển được phong Khiêm Đại vương và Ứng vương Mạc Đôn Nhượng (con út Mạc Đăng Dung) cùng trông coi việc triều chính. Năm 1580, trụ cột triều Mạc là Mạc Kính Điển mất, Mạc Đôn Nhượng lại thường lui về ở Dương kinh vì thế việc triều chính không ai quyết đoán. Mạc Mậu Hợp thường ốm yếu lại ham mê tửu sắc nên chính sự ngày càng đổ nát.



Năm 1592, Mạc Mậu Hợp cầm quân đánh nhau với Lê – Trịnh. Tháng 11 cùng năm, chiến thuyền Lê – Trịnh kéo vào đánh phá Hải Dương, quân Mạc tan vỡ. Mạc Mậu Hợp cùng con là Mạc Toàn bị bắt, đem về chém ở Thăng Long. Nhà Mạc sau 65 năm trị vì đầy biến động đã mất ngôi từ đây. Con cháu nhà Mạc chạy lên giữ đất Cao Bằng.



Cho đến thế kỷ XVII, nhiều vùng như Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng vẫn thuộc quyền cai quản của họ Mạc. Tại các nơi đây, chiến trận thường xuyên xảy ra, nhân dân phải chịu cảnh lầm than, đồng ruộng bị bỏ hoang rất nhiều. Mãi đến năm 1677, việc trấn giữ Cao Bằng của họ Mạc mới hoàn toàn chấm dứt.



BIÊN NIÊN TRIỀU NHÀ MẠC

- Mạc Đăng Dung quê ở làng Cổ Trai, huyện Nghi Dương, Hải Dương, là cháu bảy đời của Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi.

- Cha của Mạc Đăng Dung là Mạc Hịch, mẹ là Đặng Thị Hiến. Ông bà Mạc Hịch – Đặng Thị Hiến sinh được ba người con trai là: Mạc Đăng Dung, Mạc Đăng Đốc và Mạc Đăng Quyết.

- Mạc Đăng Dung sinh ngày 23 tháng 11 năm Quý Mão (1483). Thời trẻ, Mạc Đăng Dung có sức khỏe phi thường. Ông xuất thân làm nghề đánh cá, trong dịp thi võ ở kinh đô đã trúng Đò lục sĩ và được sung vào quân Túc vệ chuyên cầm dù đi theo hầu vua Lê Uy Mục. Đó là năm 1507 lúc Mạc Đăng Dung 24 tuổi.

- Năm 1508, Mạc Đăng Dung được thăng chức Đò chỉ huy sứ vệ thân vũ.

- Năm 1511, Mạc Đăng Dung được phong tước Vũ Xuyên bá, dưới thời vua Lê Tương Dực.

- Năm 1516, Mạc Đăng Dung được cử làm Trấn thủ Sơn Nam với chức Phó tướng tả đô đốc, dưới thời vua Lê Chiêu Tông.

- Năm 1518, Mạc Đăng Dung được phong Vũ Xuyên hầu.

- Kinh thành Thăng Long có loạn. Vua Lê Chiêu Tông phải lánh nạn sang dinh Bồ Đề, Gia Lâm. Mạc Đăng Dung đang ở Hải Dương được vua triệu về kinh trông coi các dinh bộ.

- Năm 1519, Mạc Đăng Dung có công lớn trong việc dẹp loạn Lê Do, Nguyễn Sĩ, nên vua phong làm Minh Quận công.

- Năm 1521, Mạc Đăng Dung được phong là Nhâm Quốc công, tiết chế các doanh quân thủy bộ 13 đạo.

- Tháng 7 cùng năm này, Mạc Đăng Dung được phong Thái Phó.

- Quyền uy của Mạc Đăng Dung ngày một lớn. Mạc Đăng Dung cho con gái nuôi vào hầu vua Lê Chiêu Tông để dò xét. Mạc Đăng Doanh – con trưởng của Mạc Đăng Dung làm Dục Mỹ hầu trông coi điện Kim Quang.

- Tháng 7 năm 1522, vua Lê Chiêu Tông chạy ra huyện Minh Nghĩa, Hà Tây truyền hịch chống lại Mạc Đăng Dung.

- Tháng 8 năm 1522, Mạc Đăng Dung đã cùng triều thần lập Lê Xuân, em của Lê Chiêu Tông lên làm vua lúc 15 tuổi.

- Lê Chiêu Tông bị giáng xuống làm Đà Dương vương.

- Mạc Đăng Dung cho dựng hành điện ở xã Phúc Diên, huyện Gia Phúc, Hải Dương, chuyển vàng bạc, tiền của, kho tàng ra đây.

- Tháng 10 năm 1522, Trịnh Tuy đưa vua Lê Chiêu Tông về Thanh Hóa.

- Năm 1523, Mạc Đăng Dung sai Mạc Đăng Quyết, Vũ Hộ, Vũ Như Quế đưa quân vào Thanh Hóa dẹp Trịnh Tuy.

- Trịnh Tuy đưa vua Lê Chiêu Tông về Lang Chánh.

- Năm 1524, Mạc Đăng Dung tự mình thăng tước Bình Chương quân quốc trọng sự Thái phó Nhân quốc công.

- Tháng 10 năm 1525, Mạc Đăng Dung tự làm Đô tướng dẫn tất cả thủy, lục quân vào Thanh Hóa, truy bắt được vua Lê Chiêu Tông ở Lang Chánh đem về giam ở Đông Hà và đến tháng 12 năm 1526 thì đem giết.

- Sau khi giết vua Lê Chiêu Tông, Mạc Đăng Dung rút quân về đóng ở Cổ Trai. ...

- Tháng 4 năm 1527, vua Lê Cung Hoàng sai Trung sứ Đỗ Hiếu Đế đến làng Cổ Trai tấn phong cho Mạc Đăng Dung làm An Hưng vương.

- Ngày 15 tháng 6 năm Đinh Hợi (1527), Mạc Đăng Dung đem quân từ Cổ Trai vào kinh đô Thăng Long ép vua ra chiếu nhường ngôi. Vua và Thái hậu bị giam ở nội cung, sau bức tử. Lê Cung Hoàng ở ngôi được 5 năm, thọ 21 tuổi, nhà Hậu Lê kết thúc sau 100 năm cai trị, trải qua 10 đời vua, tính từ khi vua Lê Lợi lên ngôi đến Lê Cung Hoàng mất ngôi.

- Năm 1527, Mạc Đăng Dung lập triều nhà Mạc.

- Mạc Đăng Dung truy phong Mạc Hiến Tích là Thủy tổ Hồng phúc đại vương. Mạc Hiến Tích đậu đệ nhất giáp Tiến sĩ, khoa thi 1086, thời nhà Lý, làm quan đến Thượng thư bộ Lại.

- Truy phong cho Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi là Kiến Thủy Khâm Minh Văn hoàng đế.

- Theo cách của triều nhà Trần, tháng 12 năm 1529, Mạc Đăng Dung nhường ngôi cho con là Mạc Đăng Doanh, còn mình lên làm Thái thượng hoàng.

- Tháng giêng năm 1530 Mạc Đăng Doanh lên ngôi vua, đổi niên hiệu là Đại Chính.

- Mạc Đăng Doanh làm cung điện nguy nga ở Cổ Trai để Thái thượng hoàng Mạc Đăng Dung vui thú điền viên, nhưng vẫn định đoạt những việc trọng đại của quốc gia.

- Từ khi Mạc Đăng Doanh lên ngôi vua thì ở Thanh Hóa, cự thần nhà Lê là Nguyễn Kim dựa vào rừng núi ở biên giới Việt – Lào lãnh đạo lực lượng trung hưng nhà Lê ngày càng lớn mạnh.

- Năm Quý Ty (1533), các cự thần nhà Lê lập Lê Duy Ninh lên làm vua gọi là Lê Trang Tông.

- Dưới triều nhà Mạc, cứ 3 năm mở một kỳ thi Hội, thi Đình để tuyển chọn nhân tài. Nguyễn Bỉnh Khiêm đỗ Trạng nguyên dưới triều Mạc Đăng Doanh.

- Ngày 13 tháng 3 năm 1537, vua Lê Duy Ninh sai Trịnh Duy Liêu sang nhà Minh xin hưng binh để hỏi tội nhà Mạc.

- Phía nhà Minh, từ tháng 7 năm 1536 đến tháng 10 năm 1540, cử Thượng thư Bộ binh Mao Bá Ôn và Hàm Ninh hầu Cừ Loan đưa quân áp sát biên giới nước ta với quân số cả chính binh và kỵ binh là 22 vạn quân chuẩn bị chiến tranh xâm lược nước ta.

- Mạc Đăng Doanh đã cho tu sửa doanh trại, xây dựng thành lũy nơi hiểm yếu, luyện tập thủy quân, trưng cầu hết thảy những cự thần, lão tướng để cùng bàn việc nước.

- Ở Thanh Hóa, nhà Lê đánh ra, tại Tuyên Quang, chúa Bầu họ Vũ chưa dẹp được. Phía bắc, nhà Minh uy hiếp. Kẻ thù nguy hiểm nhất chính là giặc Minh phương Bắc.

- Ngày 3 tháng 11 âm lịch năm 1540, Mạc Đăng Dung cùng Nguyễn Như Quế, Đỗ Thế Khanh, Đặng Văn Trị lên cửa ải. Ông tự trói mình đến dâng biểu xin hàng quân Minh. Trong biểu xin hàng, Mạc Đăng Dung nhấn mạnh: Thoái thác việc họ Mạc sang Yên Kinh (Bắc Kinh); Giao nộp đất, gồm 2 đô Như Tích, Chiêm Lăng và 4 động Tư Lãm, Kim Lặc, Cổ Sâm, Liễu Cát; Xin ấn tín để được thừa nhận sự cai trị ở An Nam.

- Mao Bá Ôn và Cừ Loan nhận biểu của Mạc Đăng Dung bèn lui binh, tâu lên Minh Thế Tông. Vua Minh hạ lệnh: Cho Phiên ty Quảng Tây hằng năm cấp lịch Đại Thống cho nhà Mạc, quy định lệ 3 năm cống 1 lần; Nhận và nhập 2 đô Như Tích, Chiêm Lăng và 4 động Tư Lãm, Kim Lặc, Cổ Sâm, Liễu Cát vào Khâm châu của Trung Quốc; Hạ An Nam quốc xuống An Nam Đô thống sứ

ty, đúc ấn và ban cho nhà Mạc. Tuy nhiên sau này ấn của nhà Minh mang sang thì Mạc Đăng Dung đã qua đời.

- Mạc Đăng Dung mất tháng 8 năm Tân Sửu (1541), thọ 59 tuổi.

- Ngày 15 tháng Giêng năm Canh Tý – 1540, Mạc Đăng Doanh chết, ở ngôi được 10 năm.

- Mạc Phúc Hải là con trưởng của Mạc Đăng Doanh, được ông nội là Thái thượng hoàng Mạc Đăng Dung lập làm vua vào năm Tân Sửu (1541).

- Thời Mạc Phúc Hải đã tiến hành chia cấp lộc điền, đặc biệt ưu tiên binh sĩ, vì lực lượng quân sĩ to lớn được nuôi dưỡng để chống lại nhà Lê Trung Hưng (Nam Triều).

- Năm 1542 bắt đầu đánh dấu mốc bình thường hóa trong quan hệ nhà Mạc với nhà Minh. Đồ tiến cống từ giữa thời Mạc đổi ra lư hương, bình hoa bằng vàng bạc, nặng bằng người vàng.

- Ngày 8 tháng 5 năm Bính Ngọ (1546), Mạc Phúc Hải mất, ở ngôi vua được 5 năm. Con trưởng là Mạc Phúc Nguyên kế vị.

- Mạc Phúc Nguyên lên ngôi vua vào tháng 5 năm 1546, lúc đó còn nhỏ tuổi, mọi công việc triều chính đều do chú ruột là Khiêm vương Mạc Kính Điển quyết đoán.

- Tháng 7 năm 1557, Mạc Phúc Nguyên sai Mạc Kính Điển đem quân vào đánh Thanh Hóa. Quân Mạc thua, Mạc Kính Điển phải nhảy xuống sông ẩn nấp suốt ba ngày mới thoát chết.

- Đến năm Kỷ Mùi (1559), quân Lê – Trịnh mở cuộc tấn công vào hậu phương của nhà Mạc ở Sơn Tây, Tuyên Quang, Hưng Hóa, Kinh Bắc, Hải Dương... Mạc Phúc Nguyên phải rút vào phòng thủ ở ngoài thành Đông Đô.

- Tháng 12 năm 1561, giữa lúc cuộc chiến Lê – Mạc đang gay go quyết liệt nhất thì Mạc Phúc Nguyên chết vì bệnh đậu mùa, sau 15 năm ở ngôi.

- Mạc Mậu Hợp là con cả của Mạc Phúc Nguyên, năm 1562 lên ngôi vua hãy còn bé, Ứng vương Mạc Đôn Nhượng (con út Mạc Đăng Dung) làm Nhập nội phụ chính ẩm Mạc Mậu Hợp ra coi châu, tôn ông chú là Khiêm vương Mạc Kính Điển làm Khiêm đại vương cùng trông coi việc triều chính.

- Ngày 21 tháng 2 năm Mậu Dần (1578), Mạc Mậu Hợp bị sét đánh ở trong cung, liệt nửa người, sau chữa thuốc lại khỏi, bèn đổi niên hiệu là Diên Khánh.

- Tháng 10 năm Canh Thìn (1580), Phụ chính Mạc Kính Điển, trụ cột của triều Mạc chết, Ứng vương Mạc Đôn Nhượng giữ quyền phụ chính quyết định mọi việc nhưng lại thường về sống ở Dương kinh, vì vậy việc triều chính bị bỏ bê.

- Năm 1581, Mạc Mậu Hợp bị chứng bệnh, chữa mãi mới khỏi. Khỏi bệnh, Mạc Mậu Hợp lại lo là việc triều chính. Chính sự nhà Mạc đổ nát, binh lực suy yếu, lòng người ly tán.

- Ngày 25 tháng 11 năm 1592, thủy quân Lê – Trịnh gồm 300 chiến thuyền đánh vào các huyện Kim Thành, Thanh Hà, Nam Sách, Kinh Môn, Hải Dương ngày nay.

- Quân Mạc tan vỡ, quan quân nhà Mạc xin hàng Trịnh Tùng rất đông. Mạc Mậu Hợp chạy trốn, bị bắt giải về kinh đô Đông Đô, rồi bị chém ở bãi cát Bồ Đề. Mạc Mậu Hợp ở ngôi vua được 30 năm, khi chết 31 tuổi.

- Con trai Mạc Mậu Hợp là Mạc Toàn chạy trốn, sau bị quân Trịnh bắt được đem chém đầu tại bến Thảo Tân.

- Họ Mạc từ Mạc Đăng Dung đến Mạc Mậu Hợp truyền ngôi được 5 đời thì mất, tổng cộng được 65 năm.

- Con cháu nhà Mạc còn lại rút lên Cao Bằng, còn kéo dài thêm một thời gian như Mạc Toàn (1592-1592) Mạc Kính Chỉ (1592-1593) Mạc Kính Cung (1593-1625) Mạc Kính Khoan

(1623-1625) Mạc Kính Vũ (1638-1677). Như vậy, nhà Mạc tồn tại 150 năm, nhưng thực sự cầm quyền ở kinh đô có 65 năm.

- Nhà Mạc rất chú trọng tới nhân tài từ tuyển chọn qua thi cử. Tuy chiến tranh, nhưng nhà Mạc cũng chú ý đào tạo và xây dựng hệ thống quan lại thông qua 22 kỳ khoa cử với chu kỳ ba năm một lần, bắt đầu từ năm 1529 và chấm dứt năm 1592.

- Như năm 1535, nhà Mạc mở khoa thi Hội, lấy Nguyễn Bình Khiêm, Bùi Khắc Đốc, Nguyễn Thừa Hưu đỗ tiến sĩ cập đệ; Nguyễn Di Lượng cùng 6 người khác đỗ tiến sĩ xuất thân; Nguyễn Trùng Quang cùng 21 người khác đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

- Năm 1592, khi chiến sự bên bờ nam sông Hồng diễn ra ác liệt trước cuộc tổng tấn công của quân Lê Trịnh, vua Mạc Mậu Hợp vẫn tổ chức thi ở Bồ Đề bên kia sông theo đúng định kỳ để lấy được 18 tiến sĩ.

- Trong 65 năm tồn tại ở Thăng Long, nhà Mạc mở 21 kỳ thi Hội, lấy đỗ khoảng 485 Tiến sĩ và 13 trên tổng số 49 Trạng nguyên trong 800 năm thi cử Nho học thời phong kiến Việt Nam.

- Khi rút lên Cao Bằng, họ Mạc vẫn tổ chức thi cử để lấy người hiền tài. Có một kỳ thi người đỗ đầu là một phụ nữ tên là Nguyễn Thị Duệ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

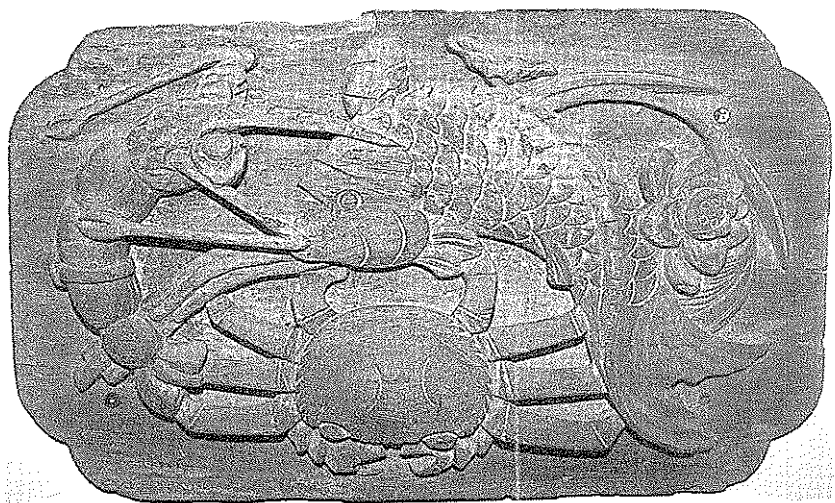
- ♦ Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, (bản dịch của viện Sử học), Hà Nội, 1992.
- ♦ Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, *Lịch sử Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971.
- ♦ Viện nghiên cứu Hán Nôm, *Đại Việt sử ký tục biên*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991.
- ♦ Trương Hữu Quýnh, *Chế độ ruộng đất Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1983.
- ♦ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998.

PHỤ LỤC

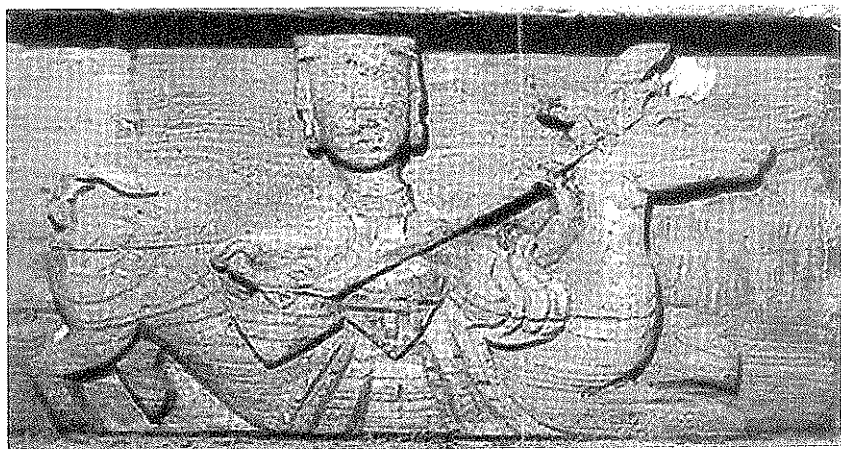
Kiến trúc thời Mạc



Đình Lỗ Hạnh là một ngôi đình tọa lạc ở thôn Lỗ, xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Đình được dựng vào năm Sùng Khang thứ 11 (1576) thời Mạc.

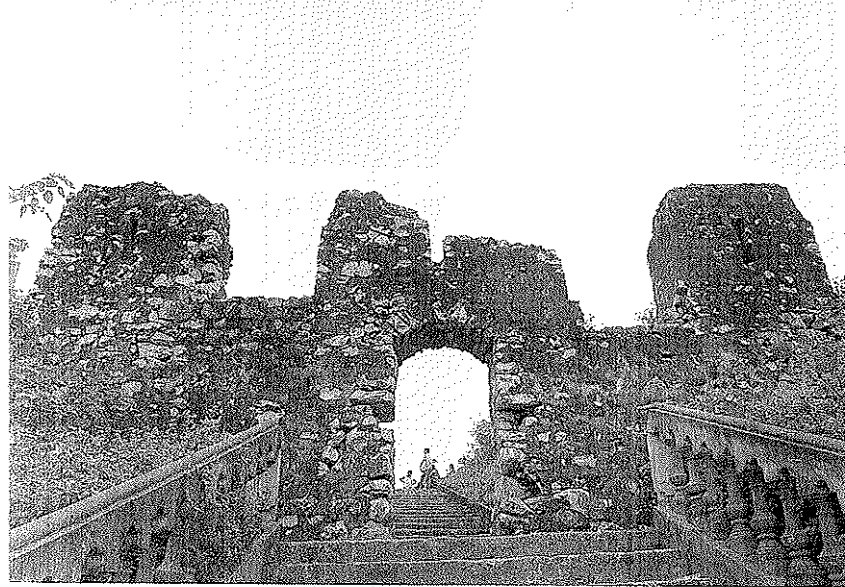


Chạm nổi tôm cua cá ở đình Lỗ Hạnh (1576)



Bức chạm tiên gảy đàn Đáy ở đình Lỗ Hạnh, huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang (1576) cho thấy nghề thủ công thời nhà Mạc rất phát triển

Thành nhà Mạc



Thành nhà Mạc ở Lạng Sơn

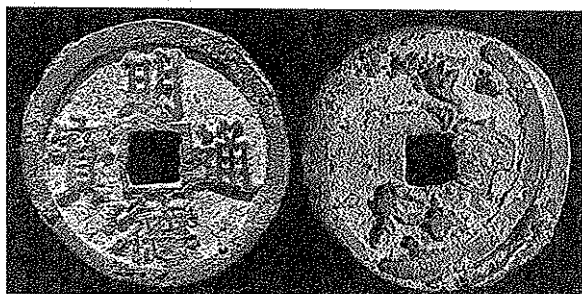


Rồng đá trông như đám mây là đặc trưng thời Mạc

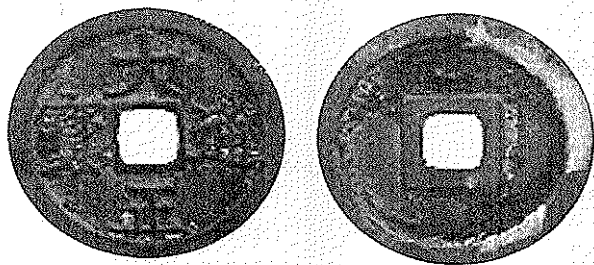
Tiền thời Mạc



Minh Đức thông bảo, đúc dưới thời Mạc Đăng Dung.



Minh Đức thông bảo, đúc dưới thời Mạc Đăng Dung.



Đại Chính thông bảo, đúc dưới thời Mạc Đăng Doanh.

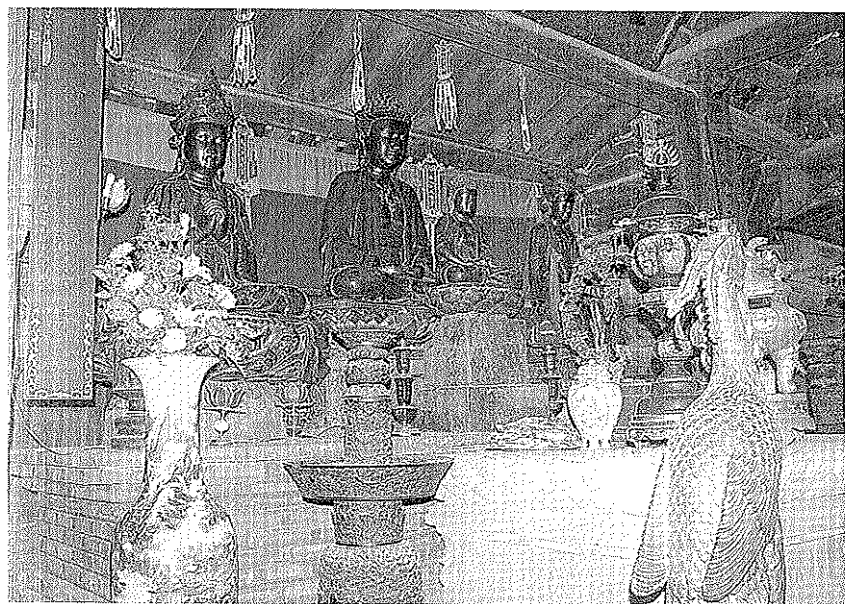
Tượng thời Mạc



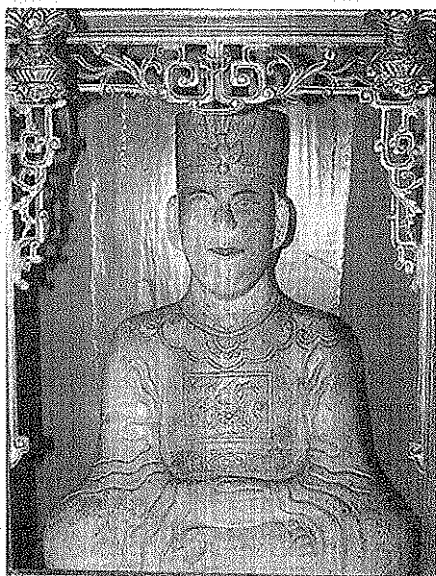
*Phù điêu chân dung bà chúa
Mạc, đá phủ sơn, thế kỷ 16
ở chùa Phổ Minh, Nam Định*



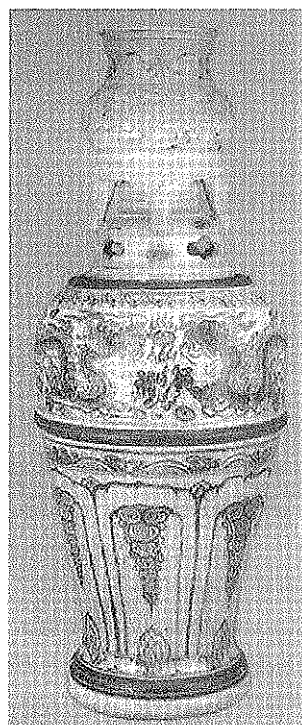
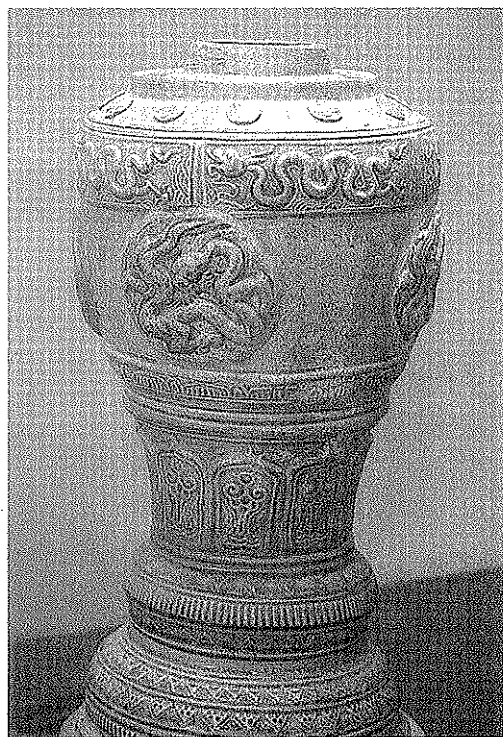
*Tượng Quan âm Nam Hải chùa
Đào Xuyên (chùa Thanh Ân) xã
Đa Tốn, Gia Lâm, Hà Nội được
chế tác dưới thời Mạc – thế kỷ 16*



*Tượng Tam thế thời Mạc – chùa Thượng –
quần thể chùa Thầy – Hà Nội*



*Tượng vua Mạc Đăng Dung ở
chùa Thiên Phúc, Trà Phương
Kiến Thụy, Hải Phòng*



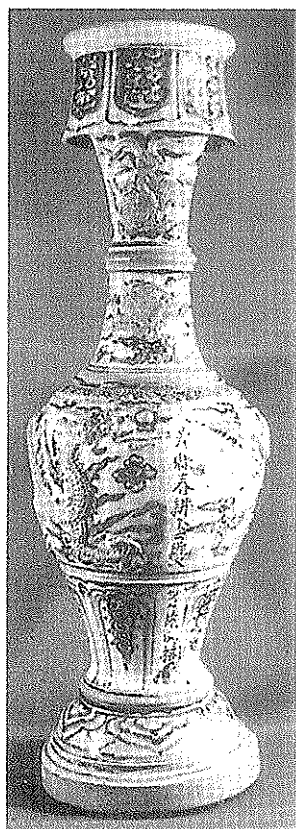
*Chân đèn gắn bát nhang
thời Mạc, cuối thế kỷ 16,
hiện vật của Bảo tàng
gốm sứ Kyushu
(Nhật Bản)*

*Chân đèn trang trí
họa tiết rồng thời Mạc*



Lư hương có hình rồng, thời Mạc

Gốm Bát Tràng thời Mạc



*Chân đèn men hoa lam
gốm Bát Tràng thế kỷ 16*

*Lư hương men hoa lam
gốm Bát Tràng thời Mạc*

Phần dưới lư hương men
hoa lam gốm Bát Tràng
thế kỷ 16



Phần dưới lư hương men rạn
gốm Bát Tràng thế kỷ 16



Gốm Chu Đậu thời Mạc



Đĩa gốm hoa lam,
trang trí đề tài ngư
tảo, thế kỷ 15–16,
hiện vật của Bảo
tàng gốm sứ Kyushu
(Nhật Bản)

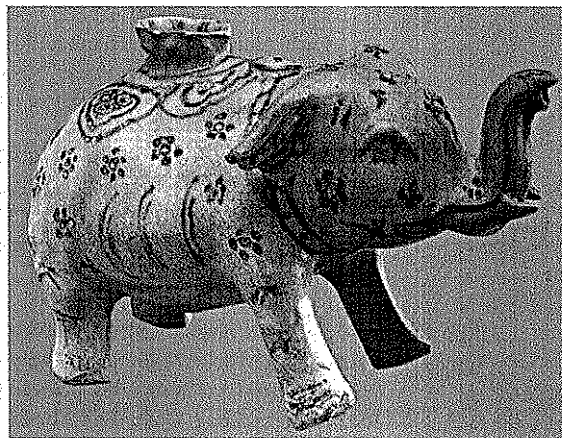


Đĩa gốm Chu Đậu,
vẽ hoa và chim
phượng, thế kỷ 15–16,
hiện vật của Bảo tàng
Mỹ thuật Fukuoka
(Nhật Bản)

Đĩa gốm Chu Đậu,
trang trí kỳ lân,
thế kỷ 15-16, hiện
vật của Bảo tàng
thành phố Machida
(Nhật Bản)



Bình tích đựng nước
hình con voi, gốm
Chu Đậu, thế kỷ 16,
hiện vật của Bảo tàng
thành phố Machida
(Nhật Bản)



LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

Tập 41

MẠC ĐĂNG DUNG LẬP NỀN TRIỀU MẠC

Trần Bạch Đằng *chủ biên*

Đình Văn Liên *biên soạn*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng biên tập NGUYỄN MINH NHỰT

Biên tập: ĐÀO THỊ TÚ UYÊN

Xử lý bìa: BIÊN THÙY

Sửa bản in: ĐÌNH QUÂN

Trình bày: NGUYỄN VĂN

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 39316289 - 39316211 - 39317849 - 38465596

Fax: (08) 38437450 - E-mail: hopthubandoc@nxbtre.com.vn

Website: www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng,

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04) 37734544 - Fax: (04) 35123395

E-mail: chinhanhhanoi@nxbtre.com.vn

CÔNG TY TNHH SÁCH ĐIỆN TỬ TRẺ (YBOOK)

161B Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, Tp. HCM

ĐT: 08 35261001 - Fax: 08 38437450

Email: info@ybook.vn - Website: www.ybook.vn

Khổ 14cm x 20cm, số xác nhận ĐKXB: 309-2016/CXBIPH/44-20/Tre.

Quyết định xuất bản số: 1064A/QĐ-NXBT, ngày 4 tháng 11 năm 2016.

In 1.500 cuốn, tại Công ty Cổ phần In Gia Định,

9D Nơ Trang Long, Quận Bình Thạnh, TP.HCM.

In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2017.